ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 149 + 150)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 1: Văn bản Nghị định thư và Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 đính kèm Nghị định thư

độ Bắc, 106°26'30,558" kinh độ Đông và có độ cao 51,33m, cách vị trí mốc giới số 77/8 là 21,28m.

Từ vị trí mốc giới số 77/8, đường biên giới hướng chung Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/9(1) và cột mốc số 77/9(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/9. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,435km.

Mốc giới số 77/9 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/9(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°49'35,319" vĩ độ Bắc, 106°26'54,596" kinh độ Đông và có độ cao 50,18m, cách vị trí mốc giới số 77/9 là 21,77m; cột mốc số 77/9(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°49'35,737" vĩ độ Bắc, 106°26'55,804" kinh độ Đông và có độ cao 51,03m, cách vị trí mốc giới số 77/9 là 16,97m.

Từ vị trí mốc giới số 77/9, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/10(1) và cột mốc số 77/10(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/10. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,639km.

Mốc giới số 77/10 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/10(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°49'23,244" vĩ độ Bắc, 106°26'51,324" kinh độ Đông và có độ cao 50,15m, cách vị trí mốc giới số 77/10 là 23,00m; cột mốc số 77/10(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°49'22,664" vĩ độ Bắc, 106°26'52,576" kinh độ Đông và có độ cao 51,17m, cách vị trí mốc giới số 77/10 là 18,88m.

Từ vị trí mốc giới số 77/10, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy của suối Prek Ta Pek chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 77/11. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,663km.

Mốc giới số 77/11 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 77/11(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°49'11,739" vĩ độ Bắc, 106°26'40,611" kinh độ Đông và có độ cao 50,33m, cách vị trí mốc giới số 77/11 là 25,22m; khoảng cách từ cột mốc số 77/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/11(2) có chiều dài là 24,31m; khoảng cách từ cột mốc số 77/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/11(3) có chiều dài là 24,01m.

- Cột mốc số 77/11(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°49'12,940" vĩ độ Bắc, 106°26'41,815" kinh độ Đông và có độ cao 49,73m, cách vị trí mốc giới số 77/11 là 26,99m; khoảng cách từ cột mốc số 77/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/11(1) có chiều dài là 27,55m.

- Cột mốc số 77/11(3) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°49'12,059" vĩ độ Bắc, 106°26'42,174" kinh độ Đông và có độ cao 48,87m, cách vị trí mốc giới số 77/11 là 28,21m; khoảng cách từ cột mốc số 77/11(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/11(1) có chiều dài là 24,31m;.

Từ vị trí mốc giới số 77/11, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 77/12. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,235km.

Mốc giới số 77/12 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 77/12(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°48'55,070"vĩ độ Bắc, 106°26'30,611" kinh độ Đông và có độ cao 48,72m, cách vị trí mốc giới số 77/12 là 22,31m; khoảng cách từ cột mốc số 77/12(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/12(2) có chiều dài là 19,78m; khoảng cách từ cột mốc số 77/12(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/12(3) có chiều dài là 22,51m.

- Cột mốc số 77/12(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°48'55,185" vĩ độ Bắc, 106°26'31,886" kinh độ Đông và có độ cao 49,07m, cách vị trí mốc giới số 77/12 là 21,94m; khoảng cách từ cột mốc số 77/12(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/12(1) có chiều dài là 18,98m.

- Cột mốc số 77/12(3) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°48'54,105" vĩ độ Bắc, 106°26'31,563" kinh độ Đông và có độ cao 49,67m, cách vị trí mốc giới số 77/12 là 22,40m; khoảng cách từ cột mốc số 77/12(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/12(1) có chiều dài là 18,83m.

Từ vị trí mốc giới số 77/12, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy của suối Sờ Béc chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 77/13. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,698km.

Mốc giới số 77/13 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 77/13(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°48'28,880"vĩ độ Bắc, 106°26'02,504" kinh độ Đông và có độ cao 47,31m, cách vị trí mốc giới số 77/13 là 20,96m; khoảng cách từ cột mốc số 77/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/13(2) có chiều dài là 22,32m; khoảng cách từ cột mốc số 77/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/13(3) có chiều dài là 18,28m.

- Cột mốc số 77/13(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°48'29,121" vĩ độ Bắc, 106°26'01,099" kinh độ Đông và có độ cao 46,04m, cách vị trí mốc giới số 77/13 là 25,24m; khoảng cách từ cột mốc số 77/13(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/13(1) có chiều dài là 20,85m.

- Cột mốc số 77/13(3) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°48'29,921" vĩ độ Bắc, 106°26'01,842" kinh độ Đông và có độ cao 46,95m, cách vị trí mốc giới số 77/13 là 20,75m; khoảng cách từ cột mốc số 77/13(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/13(1) có chiều dài là 19,46m.

Từ vị trí mốc giới số 77/13, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/14(1) và cột mốc số 77/14(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/14. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,741km.

Mốc giới số 77/14 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/14(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°47'55,771" vĩ độ Bắc, 106°25'52,230" kinh độ Đông và có độ cao 47,41m, cách vị trí mốc giới số 77/14 là 20,30m; cột mốc số 77/14(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°47'55,509" vĩ độ Bắc, 106°25'53,705" kinh độ Đông và có độ cao 46,39m, cách vị trí mốc giới số 77/14 là 25,07m.

Từ vị trí mốc giới số 77/14, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy của suối Sek Yea chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 77/15. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,236km.

Mốc giới số 77/15 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 77/15(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°47'25,380" vĩ độ Bắc, 106°25'39,542" kinh độ Đông và có độ cao 45,88m, cách vị trí mốc giới số 77/15 là 17,95m; khoảng cách từ cột mốc số 77/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/15(2) có chiều dài là 18,38m; khoảng cách từ cột mốc số 77/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/15(3) có chiều dài là 19,90m.

- Cột mốc số 77/15(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°47'25,941" vĩ độ Bắc, 106°25'38,630" kinh độ Đông và có độ cao 43,96m, cách vị trí mốc giới số 77/15 là 15,86m; khoảng cách từ cột mốc số 77/15(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/15(1) có chiều dài là 14,18m.

- Cột mốc số 77/15(3) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°47'26,587" vĩ độ Bắc, 106°25'39,035" kinh độ Đông và có độ cao 45,43m, cách vị trí mốc giới số 77/15 là 24,23m;

khoảng cách từ cột mốc số 77/15(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/15(1) có chiều dài là 20,24m.

Từ vị trí mốc giới số 77/15, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/16(1) và cột mốc số 77/16(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/16. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,109km.

Mốc giới số 77/16 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/16(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'57,698" vĩ độ Bắc, 106°25'23,902" kinh độ Đông và có độ cao 43,94m, cách vị trí mốc giới số 77/16 là 18,79m; cột mốc số 77/16(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'56,890" vĩ độ Bắc, 106°25'24,881" kinh độ Đông và có độ cao 44,93m, cách vị trí mốc giới số 77/16 là 19,87m.

Từ vị trí mốc giới số 77/16, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/17(1) và cột mốc số 77/17(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/17. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,896km.

Mốc giới số 77/17 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/17(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phia Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'39,377" vĩ độ Bắc, 106°25'10,706" kinh độ Đông và có độ cao 44,00m, cách vị trí mốc giới số 77/17 là 20,27m; cột mốc số 77/17(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'39,109" vĩ độ Bắc, 106°25'12,344" kinh độ Đông và có độ cao 46,02m, cách vị trí mốc giới số 77/17 là 29,99m.

Từ vị trí mốc giới số 77/17, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/18(1) và cột mốc số 77/18(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/18. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,406km.

Mốc giới số 77/18 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/18(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý

11°46'28,917" vĩ độ Bắc, 106°25'05,123" kinh độ Đông và có độ cao 43,98m, cách vị trí mốc giới số 77/18 là 17,31m; cột mốc số 77/18(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'28,886" vĩ độ Bắc, 106°25'06,474" kinh độ Đông và có độ cao 43,50m, cách vị trí mốc giới số 77/18 là 23,59m.

Từ vị trí mốc giới số 77/18, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy chính của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy chính của rạch Chàm (tôn lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy của suối Chi Sra Mốt chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 77/19. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,942km. Đoạn biên giới này có 01 cồn, cồn số 2 quy thuộc Campuchia.

Mốc giới số 77/19 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

Cột mốc số 77/19(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'59,083" vĩ độ Bắc, 106°24'52,427" kinh độ Đông và có độ cao 42,48m, cách vị trí mốc giới số 77/19 là 39,58m; khoảng cách từ cột mốc số 77/19(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/19(2) có chiều dài là 30,32m; khoảng cách từ cột mốc số 77/19(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/19(3) có chiều dài là 39,09m.

- Cột mốc số 77/19(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'58,977" vĩ độ Bắc, 106°24'50,790" kinh độ Đông và có độ cao 40,62m, cách vị trí mốc giới số 77/19 là 20,73m; khoảng cách từ cột mốc số 77/19(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/19(1) có chiều dài là 19,37m.

- Cột mốc số 77/19(3) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'00,225" vĩ độ Bắc, 106°24'50,677" kinh độ Đông và có độ cao 42,19m, cách vị trí mốc giới số 77/19 là 26,80m; khoảng cách từ cột mốc số 77/19(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/19(1) có chiều dài là 24,46m.

Từ vị trí mốc giới số 77/19, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/20(1) và cột mốc số 77/20(2) với trung

tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/20. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,106km.

Mốc giới số 77/20 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/20(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'33,564" vĩ độ Bắc, 106°25'00,908" kinh độ Đông và có độ cao 41,85m, cách vị trí mốc giới số 77/20 là 20,18m; cột mốc số 77/20(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'34,766" vĩ độ Bắc, 106°25'01,750" kinh độ Đông và có độ cao 41,14m, cách vị trí mốc giới số 77/20 là 24,69m.

Từ vị trí mốc giới số 77/20, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/21(1) và cột mốc số 77/21(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/21. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,004km.

Mốc giới số 77/21 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/21(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'18,464" vĩ độ Bắc, 106°25'08,088" kinh độ Đông và có độ cao 41,12m, cách vị trí mốc giới số 77/21 là 28,53m; cột mốc số 77/21(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'17,330" vĩ độ Bắc, 106°25'09,384" kinh độ và có độ cao 41,68m, cách vị trí mốc giới số 77/21 là 23,97m.

Từ vị trí mốc giới số 77/21, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/22(1) và cột mốc số 77/22(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/22. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,387km.

Mốc giới số 77/22 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/22(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'39,943" vĩ độ Bắc, 106°25'18,977" kinh độ Đông và có độ cao 39,33m, cách vị trí mốc giới số 77/22 là 27,69m; cột mốc số 77/22(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'38,826" vĩ độ Bắc, 106°25'20,074" kinh độ Đông và có độ cao 40,64m, cách vị trí mốc giới số 77/22 là 20,07m.

Từ vị trí mốc giới số 77/22, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/23(1) và cột mốc số 77/23(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/23. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,096km.

Mốc giới số 77/23 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/23(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'16,660" vĩ độ Bắc, 106°25'21,531" kinh độ Đông và có độ cao 39,54m, cách vị trí mốc giới số 77/23 là 26,04m; cột mốc số 77/23(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'17,917" vĩ độ Bắc, 106°25'22,363" kinh độ Đông và có độ cao 38,62m, cách vị trí mốc giới số 77/23 là 20,07m.

Từ vị trí mốc giới số 77/23, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/24(1) và cột mốc số 77/24(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/24. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,159km.

Mốc giới số 77/24 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/24(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'48,423" vĩ độ Bắc, 106°25'37,298" kinh độ Đông và có độ cao 38,04m, cách vị trí mốc giới số 77/24 là 22,00m; cột mốc số 77/24(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'48,049" vĩ độ Bắc, 106°25'38,958" kinh độ Đông và có độ cao 38,78m, cách vị trí mốc giới số 77/24 là 29,56m.

Từ vị trí mốc giới số 77/24, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/25(1) và cột mốc số 77/25(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 77/25. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,599km.

Mốc giới số 77/25 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 77/25(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'14,018" vĩ độ Bắc, 106°25'57,737" kinh độ Đông và có độ cao 36,76m, cách vị trí mốc giới số 77/25 là 25,54m; cột mốc số 77/25(2) cắm trên bờ rạch

Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'15,098" vĩ độ Bắc, 106°25'58,860" kinh độ Đông và có độ cao 37,79m, cách vị trí mốc giới số 77/25 là 21,93m.

Từ vị trí mốc giới số 77/25, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 78(1) và cột mốc số 78(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 78. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,176km.

Mốc giới số 78 là mốc đôi cùng số, loại B (cặp cửa khẩu Lộc Thịnh - Chom Kro Viên): Cột mốc số 78(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia (cửa khẩu Chom Kro Viên), tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'46,060" vĩ độ Bắc, 106°26'05,361" kinh độ Đông và có độ cao 39,48m, cách vị trí mốc giới số 78 là 56,47m; cột mốc số 78(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam (cửa khẩu Lộc Thịnh), tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'49,487" vĩ độ Bắc, 106°26'04,392" kinh độ Đông và có độ cao 37,99m, cách vị trí mốc giới số 78 là 52,85m.

Từ vị trí mốc giới số 78, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 78/1(1) và cột mốc số 78/1(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 78/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,110km.

Mốc giới số 78/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 78/1(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'23,985" vĩ độ Bắc, 106°26'15,660" kinh độ Đông và có độ cao 35,10m, cách vị trí mốc giới số 78/1 là 22,45m; cột mốc số 78/1(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'23,288" vĩ độ Bắc, 106°26'16,961" kinh độ Đông và có độ cao 35,98m, cách vị trí mốc giới số 78/1 là 22,38m.

Từ vị trí mốc giới số 78/1, đường biên giới hướng chung Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 78/2(1) và cột mốc số 78/2(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 78/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,678km.

Mốc giới số 78/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 78/2(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'10,050" vĩ độ Bắc, 106°26'29,575" kinh độ Đông và có độ cao 36,07m, cách vị trí mốc giới số 78/2 là 18,04m; cột mốc số 78/2(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'10,972" vĩ độ Bắc, 106°26'30,217" kinh độ Đông và có độ cao 33,71m, cách vị trí mốc giới số 78/2 là 16,32m.

Từ vị trí mốc giới số 78/2, đường biên giới hướng chung Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 78/3(1) và cột mốc số 78/3(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 78/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,281km.

Mốc giới số 78/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 78/3(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'49,156" vĩ độ Bắc, 106°26'53,692" kinh độ Đông và có độ cao 34,26m, cách vị trí mốc giới số 78/3 là 30,05m; cột mốc số 78/3(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'50,830" vĩ độ Bắc, 106°26'53,846" kinh độ Đông và có độ cao 34,40m, cách vị trí mốc giới số 78/3 là 21,59m.

Từ vị trí mốc giới số 78/3, đường biên giới hướng chung Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 78/4(1) và cột mốc số 78/4(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 78/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,886km.

Mốc giới số 78/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 78/4(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'28,237" vĩ độ Bắc, 106°27'10,351" kinh độ Đông và có độ cao 32,99m, cách vị trí mốc giới số 78/4 là 16,24m; cột mốc số 78/4(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'29,121" vĩ độ Bắc, 106°27'11,249" kinh độ Đông và có độ cao 33,24m, cách vị trí mốc giới số 78/4 là 22,20m.

Từ vị trí mốc giới số 78/4, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của

đoạn thẳng nối liền cột mốc số 78/5(1) và cột mốc số 78/5(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 78/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,759km.

Mốc giới số 78/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 78/5(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm tọa độ địa lý 11°41'05,185" vĩ độ Bắc, 106°27'09,116" kinh độ Đông và có có độ cao 33,80m, cách vị trí mốc giới số 78/5 là 18,98m; cột mốc số 78/5(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'05,229" vĩ độ Bắc, 106°27'10,555" kinh độ Đông và có độ cao 33,38m, cách vị trí mốc giới số 78/5 là 24,64m.

Từ vị trí mốc giới số 78/5, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 78/6(1) và cột mốc số 78/6(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 78/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,990km.

Mốc giới số 78/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 78/6(1) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'36,794" vĩ độ Bắc, 106°27'08,102" kinh độ Đông và có độ cao 33,39m, cách vị trí mốc giới số 78/6 là 25,03m; cột mốc số 78/6(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'37,732" vĩ độ Bắc, 106°27'09,398" kinh độ Đông và có độ cao 31,79m, cách vị trí mốc giới số 78/6 là 23,67m.

Từ vị trí mốc giới số 78/6, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 79(1) và cột mốc số 79(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (tôn lê Chàm), tức là vị trí mốc giới số 79. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,785km.

Mốc giới số 79 là mốc đôi cùng số, loại B: Cột mốc số 79(1) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'15,868" vĩ độ Bắc, 106°27'01,924" kinh độ Đông và có độ cao 32,47m; cột mốc số 79(2) cắm trên bờ rạch Chàm (tôn lê Chàm) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'14,672" vĩ độ Bắc, 106°27'05,684" kinh độ Đông và có độ cao 32,92m, cách vị trí mốc giới số 79 là 43,15m.

Từ vị trí mốc giới số 79, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cột mốc số 79(1); sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,341km.

Mốc giới số 79/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'16,500" vĩ độ Bắc, 106°26'53,218" kinh độ Đông và có độ cao 42,32m.

Từ mốc giới số 79/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,265km.

Mốc giới số 79/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'16,209" vĩ độ Bắc, 106°26'44,480" kinh độ Đông và có độ cao 50,20m.

Từ mốc giới số 79/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,208km.

Mốc giới số 79/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm tọa độ địa lý 11°40'15,424" vĩ độ Bắc, 106°26'37,651" kinh độ Đông và có độ cao 43,03m.

Từ mốc giới số 79/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,199km.

Mốc giới số 79/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'13,796" vĩ độ Bắc, 106°26'31,294" kinh độ Đông và có độ cao 57,01m.

Từ mốc giới số 79/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'13,009" vĩ độ Bắc, 106°26'28,425" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 79/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,221km.

Mốc giới số 79/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'12,175" vĩ độ Bắc, 106°26'24,179" kinh độ Đông và có độ cao 58,67m.

Từ mốc giới số 79/5, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,201km.

Mốc giới số 79/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'12,108" vĩ độ Bắc, 106°26'17,538" kinh độ Đông và có độ cao 61,86m.

Từ mốc giới số 79/6, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'12,786" vĩ độ Bắc, 106°26'13,542" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 79/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,262km.

Mốc giới số 79/7 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'13,688" vĩ độ Bắc, 106°26'09,029" kinh độ Đông và có độ cao 61,64m.

Từ mốc giới số 79/7, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/8. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,176km.

Mốc giới số 79/8 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'15,215" vĩ độ Bắc, 106°26'03,421" kinh độ Đông và có độ cao 60,75m.

Từ mốc giới số 79/8, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'17,337" vĩ độ Bắc, 106°25'58,058" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 79/9. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,329km.

Mốc giới số 79/9 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'20,109" vĩ độ Bắc, 106°25'53,808" kinh độ Đông và có độ cao 61,10m.

Từ mốc giới số 79/9, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'23,253" vĩ độ Bắc, 106°25'48,888" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'26,668" vĩ độ Bắc, 106°25'44,908" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 79/10. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,400km.

Mốc giới số 79/10 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm tọa độ địa lý 11°40'28,310" vĩ độ Bắc, 106°25'43,690" kinh độ Đông và có độ cao 60,85m.

Từ mốc giới số 79/10, đường biên giới hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/11. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,212km.

Mốc giới số 79/11 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'34,801" vĩ độ Bắc, 106°25'41,355" kinh độ Đông và có độ cao 57,72m.

Từ mốc giới số 79/11, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 79/12. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,161km.

Mốc giới số 79/12 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'38,339" vĩ độ Bắc, 106°25'37,437" kinh độ Đông và có độ cao 59,05m.

Từ mốc giới số 79/12, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'39,604" vĩ độ Bắc, 106°25'34,745" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 80. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,163km.

Mốc giới số 80 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'39,836" vĩ độ Bắc, 106°25'32,354" kinh độ Đông và có độ cao 61,23m.

Từ mốc giới số 80, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'37,545" vĩ độ Bắc, 106°25'26,914" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 80/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,388km.

Mốc giới số 80/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'36,031" vĩ độ Bắc, 106°25'20,174" kinh độ Đông và có độ cao 59,33m.

Từ mốc giới số 80/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 80/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,256km.

Mốc giới số 80/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'36,146" vĩ độ Bắc, 106°25'11,725" kinh độ Đông và có độ cao 61,29m.

Từ mốc giới số 80/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 80/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,259km.

Mốc giới số 80/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'37,886" vĩ độ Bắc, 106°25'03,364" kinh độ Đông và có độ cao 61,59m.

Từ mốc giới số 80/3, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'37,869" vĩ độ Bắc, 106°24'56,796" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 81. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,310km.

Mốc giới số 81 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'38,585" vĩ độ Bắc, 106°24'53,193" kinh độ Đông và có độ cao 61,44m.

Từ mốc giới số 81, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'41,754" vĩ độ Bắc, 106°24'48,963" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 81/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,337km.

Mốc giới số 81/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'46,199" vĩ độ Bắc, 106°24'45,272" kinh độ Đông và có độ cao 60,94m.

Từ mốc giới số 81/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 81/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,179km.

Mốc giới số 81/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'50,918" vĩ độ Bắc, 106°24'41,787" kinh độ Đông và có độ cao 55,72m.

Từ mốc giới số 81/2, đường biên giới hướng chung Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'54,818" vĩ độ Bắc, 106°24'40,321" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'58,537" vĩ độ Bắc, 106°24'38,662" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 81/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,356km.

Mốc giới số 81/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'01,262" vĩ độ Bắc, 106°24'36,670" kinh độ Đông và có độ cao 54,52m.

Từ mốc giới số 81/3, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'03,754" vĩ độ Bắc, 106°24'34,467" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 81/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,240km.

Mốc giới số 81/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'06,475" vĩ độ Bắc, 106°24'30,827" kinh độ Đông và có độ cao 53,84m.

Từ mốc giới số 81/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'08,515" vĩ độ Bắc, 106°24'25,829" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 81/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,287km.

Mốc giới số 81/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'08,986" vĩ độ Bắc, 106°24'21,797" kinh độ Đông và có độ cao 57,01m.

Từ mốc giới số 81/5, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 81/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,109km.

Mốc giới số 81/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'09,721" vĩ độ Bắc, 106°24'18,282" kinh độ Đông và có độ cao 57,00m.

Từ mốc giới số 81/6, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 82. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,171km.

Mốc giới số 82 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'12,488" vĩ độ Bắc, 106°24'13,370" kinh độ Đông và có độ cao 58,35m.

Từ mốc giới số 82, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 82/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,137km.

Mốc giới số 82/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'15,574" vĩ độ Bắc, 106°24'10,083" kinh độ Đông và có độ cao 58,15m.

Từ mốc giới số 82/1, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'18,004" vĩ độ Bắc, 106°24'07,790" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 82/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,205km.

Mốc giới số 82/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'20,470" vĩ độ Bắc, 106°24'05,506" kinh độ Đông và có độ cao 56,88m.

Từ mốc giới số 82/2, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'22,988" vĩ độ Bắc, 106°24'03,110" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 82/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,225km.

Mốc giới số 82/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'25,780" vĩ độ Bắc, 106°24'00,409" kinh độ Đông và có độ cao 55,60m.

Từ mốc giới số 82/3, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'28,959" vĩ độ Bắc, 106°23'57,436" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 82/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,200km.

Mốc giới số 82/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'30,246" vĩ độ Bắc, 106°23'55,625" kinh độ Đông và có độ cao 55,75m.

Từ mốc giới số 82/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 83. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,163km.

Mốc giới số 83 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'32,062" vĩ độ Bắc, 106°23'50,552" kinh độ Đông và có độ cao 58,22m.

Từ mốc giới số 83, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 83/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,373km.

Mốc giới số 83/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'33,008" vĩ độ Bắc, 106°23'38,272" kinh độ Đông và có độ cao 56,25m.

Từ mốc giới số 83/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 83/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,283km.

Mốc giới số 83/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'33,468" vĩ độ Bắc, 106°23'28,950" kinh độ Đông và có độ cao 54,84m.

Từ mốc giới số 83/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 83/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,487km.

Mốc giới số 83/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'39,801" vĩ độ Bắc, 106°23'14,223" kinh độ Đông và có độ cao 50,78m.

Từ mốc giới số 83/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 83/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,142km.

Mốc giới số 83/4 là mốc phụ đơn, cắm phía Bắc đường số 792 (Việt Nam), tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,013" vĩ độ Bắc, 106°23'10,125" kinh độ Đông và có độ cao 50,34m.

Từ mốc giới số 83/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,549" vĩ độ Bắc, 106°23'08,183" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 84. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,247km.

Mốc giới số 84 là mốc đơn, loại B, cắm phía Bắc đường số 792 (Việt Nam), tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,971" vĩ độ Bắc, 106°23'02,064" kinh độ Đông và có độ cao 49,61m.

Từ mốc giới số 84, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,818" vĩ độ Bắc, 106°22'58,382" kinh độ Đông và có độ cao 49,48m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 84/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,230km.

Mốc giới số 84/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Bắc đường số 792 (Việt Nam), tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,272" vĩ độ Bắc, 106°22'54,501" kinh độ Đông và có độ cao 49,36m.

Từ mốc giới số 84/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 84/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,182km.

Mốc giới số 84/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,650" vĩ độ Bắc, 106°22'48,510" kinh độ Đông và có độ cao 48,79m.

Từ mốc giới số 84/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 84/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,155km.

Mốc giới số 84/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'44,337" vĩ độ Bắc, 106°22'43,681" kinh độ Đông và có độ cao 49,05m.

Từ mốc giới số 84/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,194" vĩ độ Bắc, 106°22'41,190" kinh độ Đông và có độ cao 49,28m; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 84/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,160km.

Mốc giới số 84/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,415" vĩ độ Bắc, 106°22'38,564" kinh độ Đông và có độ cao 49,23m.

Từ mốc giới số 84/4, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,161" vĩ độ Bắc, 106°22'35,831" kinh độ Đông và có độ cao 49,03m; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 84/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,203km.

Mốc giới số 84/5 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'44,054" vĩ độ Bắc, 106°22'32,020" kinh độ Đông và có độ cao 48,62m.

Từ mốc giới số 84/5, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'43,664" vĩ độ Bắc, 106°22'28,197" kinh độ Đông và có độ cao 42,96m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 84/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,223km.

Mốc giới số 84/6 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'43,967" vĩ độ Bắc, 106°22'24,683" kinh độ Đông và có độ cao 48,97m.

Từ mốc giới số 84/6, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'44,716" vĩ độ Bắc, 106°22'21,603" kinh độ Đông và có độ cao 51,54m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 84/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,232km.

Mốc giới số 84/7 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'46,528" vĩ độ Bắc, 106°22'17,498" kinh độ Đông và có độ cao 54,25m.

Từ mốc giới số 84/7, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'47,598" vĩ độ Bắc, 106°22'13,719" kinh độ Đông và có độ cao 52,62m; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 85. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,233km.

Mốc giới số 85 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'47,665" vĩ độ Bắc, 106°22'09,965" kinh độ Đông và có độ cao 51,37m.

Từ mốc giới số 85, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'46,875" vĩ độ Bắc, 106°22'06,714" kinh độ Đông và có độ cao 51,16m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 85/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,213km.

Mốc giới số 85/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,939" vĩ độ Bắc, 106°22'03,149" kinh độ Đông và có độ cao 51,67m.

Từ mốc giới số 85/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,724" vĩ độ Bắc, 106°21'56,077" kinh độ Đông và có độ cao 52,78m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'39,523" vĩ độ Bắc, 106°21'50,149" kinh độ Đông và có độ cao 52,86m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 85/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,695km.

Mốc giới số 85/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'35,847" vĩ độ Bắc, 106°21'42,628" kinh độ Đông và có độ cao 53,50m.

Từ mốc giới số 85/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 85/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,359km.

Mốc giới số 85/3 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'31,225" vĩ độ Bắc, 106°21'31,730" kinh độ Đông và có độ cao 53,07m.

Từ mốc giới số 85/3, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'30,306" vĩ độ Bắc, 106°21'26,869" kinh độ Đông và có độ cao 52,68m; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 85/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,282km.

Mốc giới số 85/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'29,441" vĩ độ Bắc, 106°21'22,585" kinh độ Đông và có độ cao 52,75m.

Từ mốc giới số 85/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'27,639" vĩ độ Bắc, 106°21'17,905" kinh độ Đông và có độ cao 51,57m, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'26,423" vĩ độ Bắc, 106°21'14,719"

kinh độ Đông và có độ cao 51,75m; sau đó chuyển hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 86. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,417km.

Mốc giới số 86 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'23,082" vĩ độ Bắc, 106°21'10,609" kinh độ Đông và có độ cao 51,65m.

Từ mốc giới số 86, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 86/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,270km.

Mốc giới số 86/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'16,422" vĩ độ Bắc, 106°21'04,775" kinh độ Đông và có độ cao 52,80m.

Từ mốc giới số 86/1, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 86/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,215km.

Mốc giới số 86/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'10,667" vĩ độ Bắc, 106°21'00,714" kinh độ Đông và có độ cao 53,59m.

Từ mốc giới số 86/2, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 86/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,259km.

Mốc giới số 86/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'05,137" vĩ độ Bắc, 106°20'54,270" kinh độ Đông và có độ cao 53,85m.

Từ mốc giới số 86/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 86/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,482km.

Mốc giới số 86/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'02,143" vĩ độ Bắc, 106°20'38,631" kinh độ Đông và có độ cao 51,92m.

Từ mốc giới số 86/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'58,982" vĩ độ Bắc, 106°20'32,850" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 86/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,370km.

Mốc giới số 86/5 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'55,794" vĩ độ Bắc, 106°20'28,254" kinh độ Đông và có độ cao 52,55m.

Từ mốc giới số 86/5, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'53,729" vĩ độ Bắc, 106°20'25,672" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 86/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,324km.

Mốc giới số 86/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'50,764" vĩ độ Bắc, 106°20'18,942" kinh độ Đông và có độ cao 52,38m.

Từ mốc giới số 86/6, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 87. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,179km.

Mốc giới số 87 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'50,437" vĩ độ Bắc, 106°20'13,040" kinh độ Đông và có độ cao 53,15m.

Từ mốc giới số 87, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 87/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,112km.

Mốc giới số 87/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm tọa độ địa lý 11°40'51,055" vĩ độ Bắc, 106°20'09,389" kinh độ Đông và có độ cao 53,62m.

Từ mốc giới số 87/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'54,009" vĩ độ Bắc, 106°20'06,683" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 87/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,340km.

Mốc giới số 87/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'00,475" vĩ độ Bắc, 106°20'03,709" kinh độ Đông và có độ cao 52,12m.

Từ mốc giới số 87/2, đường biên giới hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 88. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,189km.

Mốc giới số 88 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'06,316" vĩ độ Bắc, 106°20'01,777" kinh độ Đông và có độ cao 47,77m.

Từ mốc giới số 88, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'59,456" vĩ độ Bắc, 106°20'00,177" kinh độ Đông và có độ cao 49,30m; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'59,387" vĩ độ Bắc, 106°19'56,129" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'58,448" vĩ độ Bắc, 106°19'54,215" kinh độ Đông và có độ cao 44,75m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'02,228" vĩ độ Bắc, 106°19'47,334" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'03,443" vĩ độ Bắc, 106°19'42,592" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa

độ địa lý 11°41'04,460" vĩ độ Bắc, 106°19'40,121" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'05,245" vĩ độ Bắc, 106°19'36,821" kinh độ Đông và có độ cao 49,89m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'03,639" vĩ độ Bắc, 106°19'33,616" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'03,553" vĩ độ Bắc, 106°19'30,413" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'02,469" vĩ độ Bắc, 106°19'29,469" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'01,079" vĩ độ Bắc, 106°19'29,057" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'59,449" vĩ độ Bắc, 106°19'27,398" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'58,957" vĩ độ Bắc, 106°19'25,820" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'57,849" vĩ độ Bắc, 106°19'24,737" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'56,376" vĩ độ Bắc, 106°19'22,164" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'55,792" vĩ độ Bắc, 106°19'19,834" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'53,012" vĩ độ Bắc, 106°19'15,825" kinh độ Đông và có độ cao 54,29m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'52,906" vĩ độ Bắc, 106°19'13,672" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'51,865" vĩ độ Bắc, 106°19'11,029" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'51,170" vĩ độ Bắc, 106°19'08,917" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'49,205" vĩ độ Bắc, 106°19'06,694" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'47,649" vĩ độ Bắc, 106°19'06,064" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'44,718" vĩ độ Bắc, 106°19'04,420" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'43,592" vĩ độ Bắc, 106°19'02,843" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 89. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,327km.

Mốc giới số 89 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'43,567" vĩ độ Bắc, 106°19'01,001" kinh độ Đông và có độ cao 49,74m.

Từ mốc giới số 89, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'42,774" vĩ độ Bắc, 106°18'59,064" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến

điểm có tọa độ địa lý 11°40'43,859" vĩ độ Bắc, 106°18'56,679" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'44,096" vĩ độ Bắc, 106°18'55,826" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'44,813" vĩ độ Bắc, 106°18'55,204" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'45,323" vĩ độ Bắc, 106°18'52,818" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'44,797" vĩ độ Bắc, 106°18'50,620" kinh độ Đông và có độ cao 52,90m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'44,254" vĩ độ Bắc, 106°18'48,818" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'43,784" vĩ độ Bắc, 106°18'42,987" kinh độ Đông và có độ cao 52,51m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'44,459" vĩ độ Bắc, 106°18'41,576" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'45,310" vĩ độ Bắc, 106°18'40,748" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'46,636" vĩ độ Bắc, 106°18'40,081" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'48,615" vĩ độ Bắc, 106°18'35,506" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'47,297" vĩ độ Bắc, 106°18'30,334" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'47,544" vĩ độ Bắc, 106°18'27,964" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'46,453" vĩ độ Bắc, 106°18'27,182" kinh độ Đông và có độ cao 51,99m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'48,418" vĩ độ Bắc, 106°18'22,648" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'48,145" vĩ độ Bắc, 106°18'20,471" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'47,816" vĩ độ Bắc, 106°18'19,536" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'48,504" vĩ độ Bắc, 106°18'17,188" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'48,864" vĩ độ Bắc, 106°18'15,777" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'49,306" vĩ độ Bắc, 106°18'14,593" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'49,723" vĩ độ Bắc, 106°18'11,679" kinh độ Đông và có độ cao 52,13m; sau đó chuyển hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 90. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,770km.

Mốc giới số 90 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'45,071" vĩ độ Bắc, 106°18'10,652" kinh độ Đông và có độ cao 51,81m.

Từ mốc giới số 90, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'45,183" vĩ độ Bắc, 106°18'08,390" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'48,733" vĩ độ Bắc, 106°17'59,379" kinh độ Đông và có độ cao 47,32m; sau đó chuyển hướng Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'50,391" vĩ độ Bắc, 106°18'00,047" kinh độ Đông và có độ cao 47,29m; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'51,026" vĩ độ Bắc, 106°17'56,353" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 91. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,597km.

Mốc giới số 91 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'49,676" vĩ độ Bắc, 106°17'54,652" kinh độ Đông và có độ cao 42,68m.

Từ mốc giới số 91, đường biên giới hướng Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'04,801" vĩ độ Bắc, 106°17'58,362" kinh độ Đông và có độ cao 44,40m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'06,668" vĩ độ Bắc, 106°17'54,620" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'09,822" vĩ độ Bắc, 106°17'50,870" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'12,129" vĩ độ Bắc, 106°17'48,576" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'12,021" vĩ độ Bắc, 106°17'47,131" kinh độ Đông và có độ cao 49,82m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'12,820" vĩ độ Bắc, 106°17'45,609" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'15,757" vĩ độ Bắc, 106°17'40,206" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 92. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,222km.

Mốc giới số 92 là mốc đơn, loại B, cắm cạnh rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'17,274" vĩ độ Bắc, 106°17'37,849" kinh độ Đông và có độ cao 51,51m.

Từ mốc giới số 92, đường biên giới hướng chung Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'19,419" vĩ độ Bắc, 106°17'36,900" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'20,966" vĩ độ Bắc, 106°17'35,215" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường

thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'22,512" vĩ độ Bắc, 106°17'33,141" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'24,275" vĩ độ Bắc, 106°17'32,520" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'25,297" vĩ độ Bắc, 106°17'31,330" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'26,703" vĩ độ Bắc, 106°17'30,528" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'28,412" vĩ độ Bắc, 106°17'29,829" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'30,288" vĩ độ Bắc, 106°17'29,019" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'31,961" vĩ độ Bắc, 106°17'27,263" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'34,160" vĩ độ Bắc, 106°17'26,350" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'34,758" vĩ độ Bắc, 106°17'25,245" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'36,440" vĩ độ Bắc, 106°17'24,578" kinh độ Đông và có độ cao 53,82m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'38,284" vĩ độ Bắc, 106°17'23,725" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'40,128" vĩ độ Bắc, 106°17'23,405" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'41,367" vĩ độ Bắc, 106°17'22,565" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'42,640" vĩ độ Bắc, 106°17'22,309" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'44,258" vĩ độ Bắc, 106°17'21,399" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,881" vĩ độ Bắc, 106°17'18,019" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,384" vĩ độ Bắc, 106°17'16,701" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'43,312" vĩ độ Bắc, 106°17'14,462" kinh độ Đông và có độ cao 53,72m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,097" vĩ độ Bắc, 106°17'09,714" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,991" vĩ độ Bắc, 106°17'06,612" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'48,026" vĩ độ Bắc, 106°17'02,215" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'48,713" vĩ độ Bắc, 106°16'59,991" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'49,303" vĩ độ Bắc, 106°16'56,822" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng

đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'50,572" vĩ độ Bắc, 106°16'53,138" kinh độ Đông và có độ cao 48,33m; sau đó chuyển hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'58,280" vĩ độ Bắc, 106°16'44,490" kinh độ Đông và có độ cao 47,06m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 93. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,577km.

Mốc giới số 93 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'04,447" vĩ độ Bắc, 106°16'37,169" kinh độ Đông và có độ cao 48,79m.

Từ mốc giới số 93, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'02,749" vĩ độ Bắc, 106°16'27,941" kinh độ Đông và có độ cao 53,31m; sau đó chuyển hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'05,542" vĩ độ Bắc, 106°16'26,008" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'08,498" vĩ độ Bắc, 106°16'25,582" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'08,828" vĩ độ Bắc, 106°16'24,380" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'09,382" vĩ độ Bắc, 106°16'23,311" kinh độ Đông và có độ cao 53,36m; sau đó chuyển hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'08,945" vĩ độ Bắc, 106°16'22,865" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'10,271" vĩ độ Bắc, 106°16'20,581" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'12,019" vĩ độ Bắc, 106°16'18,740" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'11,983" vĩ độ Bắc, 106°16'17,113" kinh độ Đông và có độ cao 51,88m, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'14,327" vĩ độ Bắc, 106°16'13,870" kinh độ Đông và có độ cao 50,92m; sau đó chuyển hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'15,027" vĩ độ Bắc, 106°16'13,992" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 94. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,967km.

Mốc giới số 94 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'15,630" vĩ độ Bắc, 106°16'15,277" kinh độ Đông và có độ cao 51,68m.

Từ mốc giới số 94, đường biên giới hướng chung hướng Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'26,765" vĩ độ Bắc, 106°16'10,742" kinh độ Đông và có độ cao 51,11m, rồi theo đường thẳng đến

cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'31,384" vĩ độ Bắc, 106°16'12,425" kinh độ Đông và có độ cao 51,58m; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'34,907" vĩ độ Bắc, 106°15'54,496" kinh độ Đông và có độ cao 50,23m; sau đó chuyển hướng chung hướng Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'38,053" vĩ độ Bắc, 106°15'55,710" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'38,708" vĩ độ Bắc, 106°15'55,015" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'40,725" vĩ độ Bắc, 106°15'55,579" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'41,433" vĩ độ Bắc, 106°15'53,274" kinh độ Đông và có độ cao 50,74m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'44,319" vĩ độ Bắc, 106°15'54,083" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'46,593" vĩ độ Bắc, 106°15'54,175" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'46,671" vĩ độ Bắc, 106°15'53,834" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'48,327" vĩ độ Bắc, 106°15'53,997" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 5 tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'48,423" vĩ độ Bắc, 106°15'53,617" kinh độ Đông và có độ cao 51,25m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'50,490" vĩ độ Bắc, 106°15'54,303" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'50,842" vĩ độ Bắc, 106°15'56,208" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'58,849" vĩ độ Bắc, 106°15'55,926" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'58,945" vĩ độ Bắc, 106°15'53,451" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'00,036" vĩ độ Bắc, 106°15'53,587" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 6 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'02,192" vĩ độ Bắc, 106°15'52,669" kinh độ Đông và có độ cao 53,37m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'02,558" vĩ độ Bắc, 106°15'49,083" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'04,661" vĩ độ Bắc, 106°15'45,723" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'05,522" vĩ độ Bắc, 106°15'43,181" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'05,505" vĩ độ Bắc, 106°15'41,452" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'06,235" vĩ độ Bắc, 106°15'39,755" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường

thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'06,034" vĩ độ Bắc, 106°15'37,554" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'07,260" vĩ độ Bắc, 106°15'35,636" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'07,221" vĩ độ Bắc, 106°15'34,682" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'08,045" vĩ độ Bắc, 106°15'33,747" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 7 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'08,444" vĩ độ Bắc, 106°15'32,046" kinh độ Đông và có độ cao 55,63m; sau đó chuyển hướng chung Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'09,170" vĩ độ Bắc, 106°15'32,369" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'10,001" vĩ độ Bắc, 106°15'33,696" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'10,249" vĩ độ Bắc, 106°15'33,566" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'12,771" vĩ độ Bắc, 106°15'33,482" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 95. Chiều dài đoạn biên giới này là 3,020km.

Mốc giới số 95 là mốc đơn, loại B, cắm cạnh đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'14,036" vĩ độ Bắc, 106°15'34,806" kinh độ Đông và có độ cao 64,68m.

Từ mốc giới số 95, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'15,602" vĩ độ Bắc, 106°15'33,539" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'15,113" vĩ độ Bắc, 106°15'32,052" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 95/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,440km.

Mốc giới số 95/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'25,636" vĩ độ Bắc, 106°15'29,745" kinh độ Đông và có độ cao 70,12m.

Từ mốc giới số 95/1, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'29,558" vĩ độ Bắc, 106°15'25,920" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'32,046" vĩ độ Bắc, 106°15'22,182" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 95/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,347km.

Mốc giới số 95/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'32,462" vĩ độ Bắc, 106°15'20,813" kinh độ Đông và có độ cao 70,27m.

Từ mốc giới số 95/2, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'32,687" vĩ độ Bắc, 106°15'18,924" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 95/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,275km.

Mốc giới số 95/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'32,475" vĩ độ Bắc, 106°15'11,759" kinh độ Đông và có độ cao 69,04m.

Từ mốc giới số 95/3, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'36,939" vĩ độ Bắc, 106°15'01,098" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 95/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,401km.

Mốc giới số 95/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'37,190" vĩ độ Bắc, 106°14'59,441" kinh độ Đông và có độ cao 68,31m.

Từ mốc giới số 95/4, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'37,393" vĩ độ Bắc, 106°14'55,650" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 95/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,327km.

Mốc giới số 95/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'35,717" vĩ độ Bắc, 106°14'48,872" kinh độ Đông và có độ cao 66,76m.

Từ mốc giới số 95/5, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'33,905" vĩ độ Bắc, 106°14'45,484" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 95/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,300km.

Mốc giới số 95/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'34,852" vĩ độ Bắc, 106°14'39,502" kinh độ Đông và có độ cao 65,68m.

Từ mốc giới số 95/6, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 96. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,227km.

Mốc giới số 96 là mốc đơn, loại B, cắm trên bờ suối Tà Béc (Ô Oong Kam), tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'34,486" vĩ độ Bắc, 106°14'32,011" kinh độ Đông và có độ cao 60,75m.

Từ mốc giới số 96, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 96/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,135km.

Mốc giới số 96/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'36,952" vĩ độ Bắc, 106°14'28,330" kinh độ Đông và có độ cao 64,41m.

Từ mốc giới số 96/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng qua cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'36,715" vĩ độ Bắc, 106°14'23,327" kinh độ Đông và có độ cao 63,60m, đến mốc giới số 96/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,409km.

Mốc giới số 96/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'36,340" vĩ độ Bắc, 106°14'14,832" kinh độ Đông và có độ cao 61,36m.

Từ mốc giới số 96/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'37,411" vĩ độ Bắc, 106°14'12,102" kinh độ Đông và có độ cao 61,42m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'41,342" vĩ độ Bắc, 106°14'04,847" kinh độ Đông và có độ cao 59,95m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 96/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,602km.

Mốc giới số 96/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'45,591" vĩ độ Bắc, 106°13'57,311" kinh độ Đông và có độ cao 57,94m.

Từ mốc giới số 96/3, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'48,020" vĩ độ Bắc, 106°13'51,750" kinh độ Đông và có độ cao 56,85m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'49,945" vĩ độ Bắc, 106°13'46,940" kinh độ Đông và có độ cao 55,84m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 96/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,475km.

Mốc giới số 96/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'51,068" vĩ độ Bắc, 106°13'42,661" kinh độ Đông và có độ cao 54,96m.

Từ mốc giới số 96/4, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'51,487" vĩ độ Bắc, 106°13'37,527" kinh độ Đông và có độ cao 55,22m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 97. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,316km.

Mốc giới số 97 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'51,467" vĩ độ Bắc, 106°13'32,250" kinh độ Đông và có độ cao 53,31m.

Từ mốc giới số 97, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'47,872" vĩ độ Bắc, 106°13'24,086" kinh độ Đông và có độ cao 52,77m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 97/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,465km.

Mốc giới số 97/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'45,020" vĩ độ Bắc, 106°13'18,376" kinh độ Đông và có độ cao 51,97m.

Từ mốc giới số 97/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 97/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,236km.

Mốc giới số 97/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'42,930" vĩ độ Bắc, 106°13'10,884" kinh độ Đông và có độ cao 51,07m.

Từ mốc giới số 97/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 98. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,355km.

Mốc giới số 98 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'39,828" vĩ độ Bắc, 106°12'59,598" kinh độ Đông và có độ cao 50,22m.

Từ mốc giới số 98, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'40,375" vĩ độ Bắc, 106°12'56,428" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 98/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,385km.

Mốc giới số 98/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'44,632" vĩ độ Bắc, 106°12'47,972" kinh độ Đông và có độ cao 50,57m.

Từ mốc giới số 98/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'46,441" vĩ độ Bắc, 106°12'43,583" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'49,074" vĩ độ Bắc, 106°12'39,280" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 98/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,423km.

Mốc giới số 98/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'50,383" vĩ độ Bắc, 106°12'35,360" kinh độ Đông và có độ cao 52,63m.

Từ mốc giới số 98/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 98/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,322km.

Mốc giới số 98/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'54,754" vĩ độ Bắc, 106°12'25,682" kinh độ Đông và có độ cao 53,35m.

Từ mốc giới số 98/3, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'57,517" vĩ độ Bắc, 106°12'21,719" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'58,805" vĩ độ Bắc, 106°12'20,931" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'00,460" vĩ độ Bắc, 106°12'20,207" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'02,883" vĩ độ Bắc, 106°12'18,518" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 98/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,448km.

Mốc giới số 98/4 là mốc phụ đơn, cắm tại ngã ba đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'04,855" vĩ độ Bắc, 106°12'15,515" kinh độ Đông và có độ cao 53,87m.

Từ mốc giới số 98/4, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'06,110" vĩ độ Bắc, 106°12'13,282" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 98/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,247km.

Mốc giới số 98/5 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'10,112" vĩ độ Bắc, 106°12'09,433" kinh độ Đông và có độ cao 53,52m.

Từ mốc giới số 98/5, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'14,050" vĩ độ Bắc, 106°12'04,742" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 98/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,425km.

Mốc giới số 98/6 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'18,175" vĩ độ Bắc, 106°11'58,054" kinh độ Đông và có độ cao 51,44m.

Từ mốc giới số 98/6, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'22,685" vĩ độ Bắc, 106°11'52,492" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 99. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,532km.

Mốc giới số 99 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'27,722" vĩ độ Bắc, 106°11'43,454" kinh độ Đông và có độ cao 50,56m.

Từ mốc giới số 99, đường biên giới hướng chung hướng Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'37,831" vĩ độ Bắc, 106°11'41,757" kinh

độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'43,980" vĩ độ Bắc, 106°11'41,579" kinh độ Đông và có độ cao 51,57m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'44,142" vĩ độ Bắc, 106°11'40,880" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'45,483" vĩ độ Bắc, 106°11'41,216" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'46,003" vĩ độ Bắc, 106°11'38,290" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'47,271" vĩ độ Bắc, 106°11'38,454" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'47,444" vĩ độ Bắc, 106°11'37,346" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'47,847" vĩ độ Bắc, 106°11'36,216" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'47,679" vĩ độ Bắc, 106°11'35,991" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'47,706" vĩ độ Bắc, 106°11'34,821" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'48,175" vĩ độ Bắc, 106°11'33,247" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'48,929" vĩ độ Bắc, 106°11'31,735" kinh độ Đông và có độ cao 51,60m; sau đó chuyển hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,926" vĩ độ Bắc, 106°11'31,890" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'50,467" vĩ độ Bắc, 106°11'31,808" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'50,912" vĩ độ Bắc, 106°11'31,007" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'51,377" vĩ độ Bắc, 106°11'29,670" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'51,207" vĩ độ Bắc, 106°11'29,247" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'51,321" vĩ độ Bắc, 106°11'28,685" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'52,610" vĩ độ Bắc, 106°11'29,009" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'53,127" vĩ độ Bắc, 106°11'27,351" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'54,198" vĩ độ Bắc, 106°11'27,890" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'54,756" vĩ độ Bắc, 106°11'26,350" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'55,655" vĩ độ Bắc, 106°11'24,856" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'56,627" vĩ độ Bắc, 106°11'25,423" kinh

độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 100. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,413km.

Mốc giới số 100 là mốc đơn, loại B, cắm cạnh đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'58,051" vĩ độ Bắc, 106°11'23,074" kinh độ Đông và có độ cao 51, 65m.

Từ mốc giới số 100, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,689" vĩ độ Bắc, 106°11'19,062" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'58,843" vĩ độ Bắc, 106°11'18,207" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,561" vĩ độ Bắc, 106°11'16,989" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'58,834" vĩ độ Bắc, 106°11'16,589" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,764" vĩ độ Bắc, 106°11'15,205" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'00,407" vĩ độ Bắc, 106°11'13,232" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,861" vĩ độ Bắc, 106°11'12,841" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'00,410" vĩ độ Bắc, 106°11'11,213" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'00,602" vĩ độ Bắc, 106°11'11,146" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'01,008" vĩ độ Bắc, 106°11'08,664" kinh độ Đông và có độ cao 51,01m; sau đó chuyển hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'58,986" vĩ độ Bắc, 106°11'07,980" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,589" vĩ độ Bắc, 106°11'05,984" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,032" vĩ độ Bắc, 106°11'05,865" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,480" vĩ độ Bắc, 106°11'04,247" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'58,339" vĩ độ Bắc, 106°11'03,652" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'58,389" vĩ độ Bắc, 106°11'03,517" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'57,358" vĩ độ Bắc, 106°11'03,121" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'55,939" vĩ độ Bắc, 106°11'03,123" kinh độ Đông và có độ cao 50,14m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'56,143" vĩ độ Bắc, 106°11'02,265" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường

thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'53,736" vĩ độ Bắc, 106°11'01,688" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'51,530" vĩ độ Bắc, 106°11'02,397" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'51,275" vĩ độ Bắc, 106°11'02,560" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'50,544" vĩ độ Bắc, 106°11'03,226" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,894" vĩ độ Bắc, 106°11'03,408" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'45,736" vĩ độ Bắc, 106°11'01,252" kinh độ Đông và có độ cao 49,20m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'46,968" vĩ độ Bắc, 106°10'59,096" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'48,032" vĩ độ Bắc, 106°10'57,911" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,368" vĩ độ Bắc, 106°10'56,850" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,849" vĩ độ Bắc, 106°10'55,538" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,563" vĩ độ Bắc, 106°10'53,696" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'50,036" vĩ độ Bắc, 106°10'52,398" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'50,346" vĩ độ Bắc, 106°10'51,807" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'50,781" vĩ độ Bắc, 106°10'51,946" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'51,529" vĩ độ Bắc, 106°10'50,797" kinh độ Đông và có độ cao 47,96m; sau đó chuyển hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,815" vĩ độ Bắc, 106°10'48,094" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'46,058" vĩ độ Bắc, 106°10'44,075" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 101. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,948km.

Mốc giới số 101 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'46,006" vĩ độ Bắc, 106°10'41,119" kinh độ Đông và có độ cao 45,90m.

Từ mốc giới số 101, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 101/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,210km.

Mốc giới số 101/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'46,536" vĩ độ Bắc, 106°10'34,204" kinh độ Đông và có độ cao 45,49m.

Từ mốc giới số 101/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'48,540" vĩ độ Bắc, 106°10'30,549" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 101/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,225km.

Mốc giới số 101/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'50,561" vĩ độ Bắc, 106°10'28,019" kinh độ Đông và có độ cao 45,52m.

Từ mốc giới số 101/2, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'53,632" vĩ độ Bắc, 106°10'24,452" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 101/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,207km.

Mốc giới số 101/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'54,833" vĩ độ Bắc, 106°10'22,749" kinh độ Đông và có độ cao 45,47m.

Từ mốc giới số 101/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng, đến mốc giới số 102. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,123km.

Mốc giới số 102 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'56,640" vĩ độ Bắc, 106°10'19,139" kinh độ Đông và có độ cao 45,43m.

Từ mốc giới số 102, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'56,461" vĩ độ Bắc, 106°10'15,043" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 102/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,500km.

Mốc giới số 102/1 là mốc phụ đơn, cắm cạnh suối, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'51,195" vĩ độ Bắc, 106°10'03,840" kinh độ Đông và có độ cao 44,12m.

Từ mốc giới số 102/1, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 102/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,244km.

Mốc giới số 102/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'46,665" vĩ độ Bắc, 106°09'57,238" kinh độ Đông và có độ cao 44,37m.

Từ mốc giới số 102/2, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 103. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,260km.

Mốc giới số 103 là mốc đơn, loại B (cặp cửa khẩu Vạc Sa - Đôn Roát), tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'41,370" vĩ độ Bắc, 106°09'50,546" kinh độ Đông và có độ cao 45,18m.

Từ mốc giới số 103, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 103/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,151km.

Mốc giới số 103/1 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'37,957" vĩ độ Bắc, 106°09'46,961" kinh độ Đông và có độ cao 45,51m.

Từ mốc giới số 103/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'33,102" vĩ độ Bắc, 106°09'43,419" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 103/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,399km.

Mốc giới số 103/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'27,148" vĩ độ Bắc, 106°09'39,641" kinh độ Đông và có độ cao 44,06m.

Từ mốc giới số 103/2, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 103/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,354km.

Mốc giới số 103/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'17,271" vĩ độ Bắc, 106°09'33,624" kinh độ Đông và có độ cao 43,50m.

Từ mốc giới số 103/3, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'12,768" vĩ độ Bắc, 106°09'28,340" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 103/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,417km.

Mốc giới số 103/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'09,560" vĩ độ Bắc, 106°09'22,397" kinh độ Đông và có độ cao 43,34m.

Từ mốc giới số 103/4, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 104. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,208km.

Mốc giới số 104 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'08,609" vĩ độ Bắc, 106°09'15,603" kinh độ Đông và có độ cao 43,53m.

Từ mốc giới số 104, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 104/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,216km.

Mốc giới số 104/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'10,141" vĩ độ Bắc, 106°09'08,655" kinh độ Đông và có độ cao 44,02m.

Từ mốc giới số 104/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 104/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,157km.

Mốc giới số 104/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'12,690" vĩ độ Bắc, 106°09'04,159" kinh độ Đông và có độ cao 44,81m.

Từ mốc giới số 104/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 104/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,459km.

Mốc giới số 104/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'20,668" vĩ độ Bắc, 106°08'51,330" kinh độ Đông và có độ cao 47,13m.

Từ mốc giới số 104/3, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'22,909" vĩ độ Bắc, 106°08'46,805" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 104/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,526km.

Mốc giới số 104/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'28,577" vĩ độ Bắc, 106°08'35,930" kinh độ Đông và có độ cao 49,14m.

Từ mốc giới số 104/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 104/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,489km.

Mốc giới số 104/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'35,078" vĩ độ Bắc, 106°08'21,175" kinh độ Đông và có độ cao 49,77m.

Từ mốc giới số 104/5, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'35,857" vĩ độ Bắc, 106°08'19,338" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 105. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,349km.

Mốc giới số 105 là mốc đơn, loại B, cắm cạnh đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'38,759" vĩ độ Bắc, 106°08'10,259" kinh độ Đông và có độ cao 49,04m.

Từ mốc giới số 105, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'40,643" vĩ độ Bắc, 106°08'05,438" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 105/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,268km.

Mốc giới số 105/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'41,351" vĩ độ Bắc, 106°08'01,840" kinh độ Đông và có độ cao 47,07m.

Từ mốc giới số 105/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'41,586" vĩ độ Bắc, 106°07'59,331"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 105/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,321km.

Mốc giới số 105/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'41,776" vĩ độ Bắc, 106°07'51,262" kinh độ Đông và có độ cao 45,82m.

Từ mốc giới số 105/2, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'41,599" vĩ độ Bắc, 106°07'48,051" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 105/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,363km.

Mốc giới số 105/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'41,397" vĩ độ Bắc, 106°07'39,283" kinh độ Đông và có độ cao 44,13m.

Từ mốc giới số 105/3, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 105/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,199km.

Mốc giới số 105/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'42,550" vĩ độ Bắc, 106°07'32,816" kinh độ Đông và có độ cao 43,44m.

Từ mốc giới số 105/4, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'42,862" vĩ độ Bắc, 106°07'25,564" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 105/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,336km.

Mốc giới số 105/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'42,027" vĩ độ Bắc, 106°07'21,815" kinh độ Đông và có độ cao 40,97m.

Từ mốc giới số 105/5, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 105/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,158km.

Mốc giới số 105/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'40,055" vĩ độ Bắc, 106°07'17,011" kinh độ Đông và có độ cao 39,26m.

Từ mốc giới số 105/6, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 105/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,220km.

Mốc giới số 105/7 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'36,720" vĩ độ Bắc, 106°07'10,574" kinh độ Đông và có độ cao 37,34m.

Từ mốc giới số 105/7, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'34,870" vĩ độ Bắc, 106°07'06,502"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 105/8. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,222km.

Mốc giới số 105/8 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'34,083" vĩ độ Bắc, 106°07'03,781" kinh độ Đông và có độ cao 39,44m.

Từ mốc giới số 105/8, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 106. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,176km.

Mốc giới số 106 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'33,151" vĩ độ Bắc, 106°06'58,058" kinh độ Đông và có độ cao 37,98m.

Từ mốc giới số 106, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 106/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,526km.

Mốc giới số 106/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'36,638" vĩ độ Bắc, 106°06'41,054" kinh độ Đông và có độ cao 36,10m.

Từ mốc giới số 106/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'38,857" vĩ độ Bắc, 106°06'33,605" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 106/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,461km.

Mốc giới số 106/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'42,069" vĩ độ Bắc, 106°06'26,894" kinh độ Đông và có độ cao 36,87m.

Từ mốc giới số 106/2, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 106/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,361km.

Mốc giới số 106/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,097" vĩ độ Bắc, 106°06'17,337" kinh độ Đông và có độ cao 37,57m.

Từ mốc giới số 106/3, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 106/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,281km.

Mốc giới số 106/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'55,766" vĩ độ Bắc, 106°06'10,968" kinh độ Đông và có độ cao 36,80m.

Từ mốc giới số 106/4, đường biên giới hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 106/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,437km.

Mốc giới số 106/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'07,684" vĩ độ Bắc, 106°06'03,114" kinh độ Đông và có độ cao 36,38m.

Từ mốc giới số 106/5, đường biên giới hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 107. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,453km.

Mốc giới số 107 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất ngập nước, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'21,511" vĩ độ Bắc, 106°05'57,931" kinh độ Đông và có độ cao 34,82m.

Từ mốc giới số 107, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 107/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,291km.

Mốc giới số 107/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'21,205" vĩ độ Bắc, 106°05'48,320" kinh độ Đông và có độ cao 34,80m.

Từ mốc giới số 107/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 107/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,233km.

Mốc giới số 107/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'24,599" vĩ độ Bắc, 106°05'41,440" kinh độ Đông và có độ cao 36,61m.

Từ mốc giới số 107/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng, đến mốc giới số 108. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,116km.

Mốc giới số 108 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'24,705" vĩ độ Bắc, 106°05'37,593" kinh độ Đông và có độ cao 38,53m.

Từ mốc giới số 108, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 108/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,135km.

Mốc giới số 108/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'25,956" vĩ độ Bắc, 106°05'33,326" kinh độ Đông và có độ cao 41,39m.

Từ mốc giới số 108/1, đường biên giới hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 108/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,086km.

Mốc giới số 108/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'28,643" vĩ độ Bắc, 106°05'32,476" kinh độ Đông và có độ cao 43,61m.

Từ mốc giới số 108/2, đường biên giới hướng chung Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'30,832" vĩ độ Bắc, 106°05'31,556" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'43,616" vĩ độ Bắc, 106°05'28,470" kinh độ Đông và có độ cao 44,27m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'43,513" vĩ độ Bắc, 106°05'24,047" kinh độ Đông, tiếp tục theo

đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'44,945" vĩ độ Bắc, 106°05'17,286" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'46,133" vĩ độ Bắc, 106°05'14,741" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'46,907" vĩ độ Bắc, 106°05'13,826" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'51,376" vĩ độ Bắc, 106°05'08,183" kinh độ Đông và có độ cao 48,55m; sau đó chuyển hướng Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 109. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,359km.

Mốc giới số 109 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'57,670" vĩ độ Bắc, 106°05'09,569" kinh độ Đông và có độ cao 53,37m.

Từ mốc giới số 109, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'54,039" vĩ độ Bắc, 106°05'04,913" kinh độ Đông và có độ cao 49,58m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'54,688" vĩ độ Bắc, 106°05'03,761" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'59,856" vĩ độ Bắc, 106°04'53,617" kinh độ Đông và có độ cao 53,10m; sau đó chuyển hướng chung hướng Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'01,340" vĩ độ Bắc, 106°04'53,319" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'04,267" vĩ độ Bắc, 106°04'51,193" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'06,744" vĩ độ Bắc, 106°04'50,561" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'10,732" vĩ độ Bắc, 106°04'51,729" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'18,225" vĩ độ Bắc, 106°04'50,975" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'23,661" vĩ độ Bắc, 106°04'48,390" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'26,439" vĩ độ Bắc, 106°04'48,160" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'29,885" vĩ độ Bắc, 106°04'48,684" kinh độ Đông và có độ cao 59,63m; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 110. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,782km.

Mốc giới số 110 là mốc đơn, loại B (cặp cửa khẩu Chàng Riệc - Đa), tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'33,300" vĩ độ Bắc, 106°04'41,385" kinh độ Đông và có độ cao 60,46m.

Từ mốc giới số 110, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'40,107" vĩ độ Bắc, 106°04'23,247" kinh độ Đông và có độ cao 56,62m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'42,705" vĩ độ Bắc, 106°04'20,689" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'44,488" vĩ độ Bắc, 106°04'20,071" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'47,434" vĩ độ Bắc, 106°04'17,355" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'50,527" vĩ độ Bắc, 106°04'13,797" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'53,297" vĩ độ Bắc, 106°04'09,062" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'56,806" vĩ độ Bắc, 106°03'59,482" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'56,959" vĩ độ Bắc, 106°03'57,835" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'52,906" vĩ độ Bắc, 106°03'57,690" kinh độ Đông và có độ cao 65,82m; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'53,099" vĩ độ Bắc, 106°03'52,760" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'55,783" vĩ độ Bắc, 106°03'47,947" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'56,629" vĩ độ Bắc, 106°03'44,142" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'57,143" vĩ độ Bắc, 106°03'41,795" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'58,041" vĩ độ Bắc, 106°03'40,542" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'58,296" vĩ độ Bắc, 106°03'38,619" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'57,792" vĩ độ Bắc, 106°03'37,897" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'57,506" vĩ độ Bắc, 106°03'36,890" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'57,454" vĩ độ Bắc, 106°03'35,410" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'56,529" vĩ độ Bắc, 106°03'32,666" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'56,544" vĩ độ Bắc, 106°03'31,512" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'55,986" vĩ độ Bắc, 106°03'30,468" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'54,142" vĩ độ Bắc, 106°03'29,041" kinh độ Đông và có độ cao 88,64m; sau đó chuyển hướng chung

Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'52,431" vĩ độ Bắc, 106°03'26,772" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'52,540" vĩ độ Bắc, 106°03'24,661" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'54,364" vĩ độ Bắc, 106°03'19,081" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'54,299" vĩ độ Bắc, 106°03'17,112" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'53,522" vĩ độ Bắc, 106°03'12,586" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'49,967" vĩ độ Bắc, 106°03'06,375" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'47,493" vĩ độ Bắc, 106°03'03,206" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'46,384" vĩ độ Bắc, 106°02'55,571" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'44,406" vĩ độ Bắc, 106°02'49,906" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'43,741" vĩ độ Bắc, 106°02'50,200" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'42,667" vĩ độ Bắc, 106°02'48,892" kinh độ Đông và có độ cao 52,17m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'41,443" vĩ độ Bắc, 106°02'36,675" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 111. Chiều dài đoạn biên giới này là 4,440km.

Mốc giới số 111 là mốc đơn, loại B, cắm phía Tây đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'42,606" vĩ độ Bắc, 106°02'33,850" kinh độ Đông và có độ cao 48,93m.

Từ mốc giới số 111, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'42,255" vĩ độ Bắc, 106°02'30,726" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 111/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,407km.

Mốc giới số 111/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'38,331" vĩ độ Bắc, 106°02'21,220" kinh độ Đông và có độ cao 45,19m.

Từ mốc giới số 111/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'36,394" vĩ độ Bắc, 106°02'16,888" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 111/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,332km.

Mốc giới số 111/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'34,401" vĩ độ Bắc, 106°02'10,999" kinh độ Đông và có độ cao 45,34m.

Từ mốc giới số 111/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 111/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,256km.

Mốc giới số 111/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'33,681" vĩ độ Bắc, 106°02'02,587" kinh độ Đông và có độ cao 45,98m.

Từ mốc giới số 111/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 111/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,225km.

Mốc giới số 111/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'31,923" vĩ độ Bắc, 106°01'55,367" kinh độ Đông và có độ cao 48,55m.

Từ mốc giới số 111/4, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 111/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,295km.

Mốc giới số 111/5 là mốc phụ đơn, cắm trên đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'30,618" vĩ độ Bắc, 106°01'45,716" kinh độ Đông và có độ cao 47,67m.

Từ mốc giới số 111/5, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'30,904" vĩ độ Bắc, 106°01'43,695" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'30,926" vĩ độ Bắc, 106°01'42,092" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'30,920" vĩ độ Bắc, 106°01'37,951" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 111/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,375km.

Mốc giới số 111/6 là mốc phụ đơn, cắm trên đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'29,827" vĩ độ Bắc, 106°01'33,495" kinh độ Đông và có độ cao 43,76m.

Từ mốc giới số 111/6, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'29,781" vĩ độ Bắc, 106°01'30,232" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'29,417" vĩ độ Bắc, 106°01'29,103" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 112. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,363km.

Mốc giới số 112 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'25,530" vĩ độ Bắc, 106°01'22,672" kinh độ Đông và có độ cao 40,79m.

Từ mốc giới số 112, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'18,478" vĩ độ Bắc, 106°01'12,004" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 112/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,579km.

Mốc giới số 112/1 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường đá, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'13,679" vĩ độ Bắc, 106°01'08,057" kinh độ Đông và có độ cao 40,70m.

Từ mốc giới số 112/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'09,476" vĩ độ Bắc, 106°01'05,032" kinh độ Đông và có độ cao 41,32m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 112/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,294km.

Mốc giới số 112/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°46'08,271" vĩ độ Bắc, 106°01'00,710" kinh độ Đông và có độ cao 40,92m.

Từ mốc giới số 112/2, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°46'01,454" vĩ độ Bắc, 106°00'56,174" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'56,070" vĩ độ Bắc, 106°00'53,446" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 112/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,593km.

Mốc giới số 112/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'51,114" vĩ độ Bắc, 106°00'52,047" kinh độ Đông và có độ cao 39,97m.

Từ mốc giới số 112/3, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'43,667" vĩ độ Bắc, 106°00'50,316" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 112/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,509km.

Mốc giới số 112/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'35,904" vĩ độ Bắc, 106°00'45,865" kinh độ Đông và có độ cao 39,25m.

Từ mốc giới số 112/4, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'21,372" vĩ độ Bắc, 106°00'44,620" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 113. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,596km.

Mốc giới số 113 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'16,548" vĩ độ Bắc, 106°00'44,761" kinh độ Đông và có độ cao 38,64m.

Từ mốc giới số 113, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°45'06,650" vĩ độ Bắc, 106°00'37,302" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 113/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,476km.

Mốc giới số 113/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°45'03,650" vĩ độ Bắc, 106°00'36,311" kinh độ Đông và có độ cao 37,60m.

Từ mốc giới số 113/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'59,028" vĩ độ Bắc, 106°00'36,624" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 113/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,440km.

Mốc giới số 113/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'49,867" vĩ độ Bắc, 106°00'39,816" kinh độ Đông và có độ cao 37,37m.

Từ mốc giới số 113/2, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°44'39,995" vĩ độ Bắc, 106°00'47,271" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 113/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,493km.

Mốc giới số 113/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'36,720" vĩ độ Bắc, 106°00'49,094" kinh độ Đông và có độ cao 36,85m.

Từ mốc giới số 113/3, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 113/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,328km.

Mốc giới số 113/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'26,129" vĩ độ Bắc, 106°00'50,565" kinh độ Đông và có độ cao 36,30m.

Từ mốc giới số 113/4, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 113/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,568km.

Mốc giới số 113/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°44'08,349" vĩ độ Bắc, 106°00'55,711" kinh độ Đông và có độ cao 36,10m.

Từ mốc giới số 113/5, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 113/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,271km.

Mốc giới số 113/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'59,729" vĩ độ Bắc, 106°00'57,628" kinh độ Đông và có độ cao 34,93m.

Từ mốc giới số 113/6, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 113/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,261km.

Mốc giới số 113/7 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'51,253" vĩ độ Bắc, 106°00'57,910" kinh độ Đông và có độ cao 34,59m.

Từ mốc giới số 113/7, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 113/8. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,271km.

Mốc giới số 113/8 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'42,431" vĩ độ Bắc, 106°00'57,485" kinh độ Đông và có độ cao 33,79m.

Từ mốc giới số 113/8, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'38,667" vĩ độ Bắc, 106°00'56,233" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'33,044" vĩ độ Bắc, 106°00'55,475" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 114. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,424km.

Mốc giới số 114 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'29,297" vĩ độ Bắc, 106°00'53,609" kinh độ Đông và có độ cao 32,80m.

Từ mốc giới số 114, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'26,770" vĩ độ Bắc, 106°00'50,782" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'25,458" vĩ độ Bắc, 106°00'47,469" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 114/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,383km.

Mốc giới số 114/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'23,612" vĩ độ Bắc, 106°00'42,534" kinh độ Đông và có độ cao 33,10m.

Từ mốc giới số 114/1, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°43'15,873" vĩ độ Bắc, 106°00'36,393" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 114/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,534km.

Mốc giới số 114/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°43'08,726" vĩ độ Bắc, 106°00'33,903" kinh độ Đông và có độ cao 31,98m.

Từ mốc giới số 114/2, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 114/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,429km.

Mốc giới số 114/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'55,833" vĩ độ Bắc, 106°00'28,451" kinh độ Đông và có độ cao 31,14m.

Từ mốc giới số 114/3, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 114/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,289km.

Mốc giới số 114/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'46,991" vĩ độ Bắc, 106°00'25,164" kinh độ Đông và có độ cao 30,94m.

Từ mốc giới số 114/4, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'41,339" vĩ độ Bắc, 106°00'23,627" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 114/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,343km.

Mốc giới số 114/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'36,121" vĩ độ Bắc, 106°00'22,642" kinh độ Đông và có độ cao 30,11m.

Từ mốc giới số 114/5, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'31,999" vĩ độ Bắc, 106°00'21,168" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 114/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,287km.

Mốc giới số 114/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'27,767" vĩ độ Bắc, 106°00'18,490" kinh độ Đông và có độ cao 29,44m.

Từ mốc giới số 114/6, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'23,855" vĩ độ Bắc, 106°00'16,649" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 114/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,338km.

Mốc giới số 114/7 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'18,310" vĩ độ Bắc, 106°00'12,837" kinh độ Đông và có độ cao 28,70m.

Từ mốc giới số 114/7, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'12,764" vĩ độ Bắc, 106°00'08,210" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 114/8. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,472km.

Mốc giới số 114/8 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'06,148" vĩ độ Bắc, 106°00'03,318" kinh độ Đông và có độ cao 27,72m.

Từ mốc giới số 114/8, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°42'02,780" vĩ độ Bắc, 105°59'59,190" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 115. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,272km.

Mốc giới số 115 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°42'02,226" vĩ độ Bắc, 105°59'55,625" kinh độ Đông và có độ cao 26,96m.

Từ mốc giới số 115, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'58,666" vĩ độ Bắc, 105°59'48,888" kinh độ Đông và có độ cao 26,73m, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'52,642" vĩ độ Bắc, 105°59'42,067" kinh độ Đông và có độ cao 25,05m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'57,549" vĩ độ Bắc, 105°59'31,089" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 116. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,951km.

Mốc giới số 116 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'56,959" vĩ độ Bắc, 105°59'28,591" kinh độ Đông và có độ cao 24,82m.

Từ mốc giới số 116, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'52,331" vĩ độ Bắc, 105°59'23,630" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 116/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,489km.

Mốc giới số 116/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'45,432" vĩ độ Bắc, 105°59'17,484" kinh độ Đông và có độ cao 24,55m.

Từ mốc giới số 116/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'40,588" vĩ độ Bắc, 105°59'09,727" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 116/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,521km.

Mốc giới số 116/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'35,510" vĩ độ Bắc, 105°59'03,564" kinh độ Đông và có độ cao 23,27m.

Từ mốc giới số 116/2, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 116/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,401km.

Mốc giới số 116/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'25,164" vĩ độ Bắc, 105°58'55,477" kinh độ Đông và có độ cao 23,92m.

Từ mốc giới số 116/3, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°41'16,050" vĩ độ Bắc, 105°58'48,136" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 116/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,635km.

Mốc giới số 116/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất ngập nước, tại điểm có tọa độ địa lý 11°41'08,666" vĩ độ Bắc, 105°58'42,857" kinh độ Đông và có độ cao 20,92m.

Từ mốc giới số 116/4, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 117. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,324km.

Mốc giới số 117 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'59,632" vĩ độ Bắc, 105°58'37,308" kinh độ Đông và có độ cao 20,81m.

Từ mốc giới số 117, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'56,827" vĩ độ Bắc, 105°58'39,482" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 117/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,388km.

Mốc giới số 117/1 là mốc phụ đơn, cắm trong bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'51,040" vĩ độ Bắc, 105°58'46,624" kinh độ Đông và có độ cao 21,52m.

Từ mốc giới số 117/1, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'44,849" vĩ độ Bắc, 105°58'51,773" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 117/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,391km.

Mốc giới số 117/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'40,663" vĩ độ Bắc, 105°58'54,000" kinh độ Đông và có độ cao 24,68m.

Từ mốc giới số 117/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 117/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,383km.

Mốc giới số 117/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'28,296" vĩ độ Bắc, 105°58'55,590" kinh độ Đông và có độ cao 23,36m.

Từ mốc giới số 117/3, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'19,446" vĩ độ Bắc, 105°58'56,438"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 117/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,423km.

Mốc giới số 117/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'14,591" vĩ độ Bắc, 105°58'56,038" kinh độ Đông và có độ cao 20,87m.

Từ mốc giới số 117/4, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 118. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,331km.

Mốc giới số 118 là mốc đơn, loại A, cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Xa Mát (Việt Nam) - Trapaeng Phlong (Campuchia), là điểm giao giữa quốc lộ số 22B (Việt Nam) và đường số 72 (Campuchia) với đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'04,461" vĩ độ Bắc, 105°58'52,344" kinh độ Đông và có độ cao 22,93m.

Từ mốc giới số 118, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'56,572" vĩ độ Bắc, 105°58'49,323" kinh độ Đông và có độ cao 20,82m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'53,946" vĩ độ Bắc, 105°58'42,514" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'53,378" vĩ độ Bắc, 105°58'38,719" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'52,817" vĩ độ Bắc, 105°58'37,425" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'51,804" vĩ độ Bắc, 105°58'36,831" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'50,801" vĩ độ Bắc, 105°58'36,392" kinh độ Đông và có độ cao 21,38m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'49,638" vĩ độ Bắc, 105°58'32,161" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'48,943" vĩ độ Bắc, 105°58'30,393" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'47,450" vĩ độ Bắc, 105°58'28,197" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'44,958" vĩ độ Bắc, 105°58'25,727" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'42,459" vĩ độ Bắc, 105°58'22,142" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'40,827" vĩ độ Bắc, 105°58'20.679" kinh độ Đông và có có độ cao 21,39m; sau đó chuyển hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'35,794" vĩ độ Bắc, 105°58'19,386" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường

thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'29,659" vĩ độ Bắc, 105°58'17,327" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'27,281" vĩ độ Bắc, 105°58'17,080" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'25,157" vĩ độ Bắc, 105°58'16,071" kinh độ Đông và có độ cao 19,62m; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'24,054" vĩ độ Bắc, 105°58'13,970" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 118/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,997km.

Mốc giới số 118/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'23,684" vĩ độ Bắc, 105°58'09,553" kinh độ Đông và có độ cao 18,60m.

Từ mốc giới số 118/1, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 118/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,214km.

Mốc giới số 118/2 là mốc phụ đơn, cắm trên đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'17,647" vĩ độ Bắc, 105°58'06,027" kinh độ Đông và có độ cao 18,43m.

Từ mốc giới số 118/2, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'14,066" vĩ độ Bắc, 105°58'02,879" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 119. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,394km.

Mốc giới số 119 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất ngập nước, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'09,208" vĩ độ Bắc, 105°57'56,304" kinh độ Đông và có độ cao 18,81m.

Từ mốc giới số 119, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng qua điểm có tọa độ địa lý 11°39'04,933" vĩ độ Bắc, 105°57'49,075" kinh độ Đông, đến mốc giới số 119/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,569km.

Mốc giới số 119/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'59,685" vĩ độ Bắc, 105°57'40,200" kinh độ Đông và có độ cao 17,78m.

Từ mốc giới số 119/1, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°38'51,677" vĩ độ Bắc, 105°57'35,333" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 119/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,356km.

Mốc giới số 119/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'49,806" vĩ độ Bắc, 105°57'34,049" kinh độ Đông và có độ cao 16,53m.

Từ mốc giới số 119/2, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°38'45,365" vĩ độ Bắc, 105°57'28,318" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 119/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,363km.

Mốc giới số 119/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'42,632" vĩ độ Bắc, 105°57'24,533" kinh độ Đông và có độ cao 17,30m.

Từ mốc giới số 119/3, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°38'40,154" vĩ độ Bắc, 105°57'21,554" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°38'38,415" vĩ độ Bắc, 105°57'19,946" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 119/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,245km.

Mốc giới số 119/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'36,901" vĩ độ Bắc, 105°57'18,973" kinh độ Đông và có độ cao 16,97m.

Từ mốc giới số 119/4, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 119/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,168km.

Mốc giới số 119/5 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'31,812" vĩ độ Bắc, 105°57'16,932" kinh độ Đông và có độ cao 16,46m.

Từ mốc giới số 119/5, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 119/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,256km.

Mốc giới số 119/6 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'23,830" vĩ độ Bắc, 105°57'14,515" kinh độ Đông và có độ cao 15,30m.

Từ mốc giới số 119/6, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 120. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,138km.

Mốc giới số 120 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'20,783" vĩ độ Bắc, 105°57'11,182" kinh độ Đông và có độ cao 15,35m.

Từ mốc giới số 120, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°38'21,385" vĩ độ Bắc, 105°57'08,743"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 120/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,311km.

Mốc giới số 120/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'24,122" vĩ độ Bắc, 105°57'01,492" kinh độ Đông và có độ cao 15,76m.

Từ mốc giới số 120/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 120/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,298km.

Mốc giới số 120/2 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'27,600" vĩ độ Bắc, 105°56'52,312" kinh độ Đông và có độ cao 16,73m.

Từ mốc giới số 120/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 120/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,248km.

Mốc giới số 120/3 là mốc phụ đơn, cắm gần đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'30,534" vĩ độ Bắc, 105°56'44,691" kinh độ Đông và có độ cao 16,69m.

Từ mốc giới số 120/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 120/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,331km.

Mốc giới số 120/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, gần đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'34,840" vĩ độ Bắc, 105°56'34,654" kinh độ Đông và có độ cao 17,83m.

Từ mốc giới số 120/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 121. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,191km.

Mốc giới số 121 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'37,007" vĩ độ Bắc, 105°56'28,748" kinh độ Đông và có độ cao 18,23m.

Từ mốc giới số 121, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 121/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,218km.

Mốc giới số 121/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'39,361" vĩ độ Bắc, 105°56'21,974" kinh độ Đông và có độ cao 16,56m.

Từ mốc giới số 121/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 121/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,513km.

Mốc giới số 121/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, có tọa độ địa lý 11°38'45,265" vĩ độ Bắc, 105°56'06,130" kinh độ Đông và có độ cao 16,32m.

Từ mốc giới số 121/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 121/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,431km.

Mốc giới số 121/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'50,524" vĩ độ Bắc, 105°55'52,951" kinh độ Đông và có độ cao 16,29m.

Từ mốc giới số 121/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 121/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,623km.

Mốc giới số 121/4 là mốc phụ đơn, cắm gần đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'57,828" vĩ độ Bắc, 105°55'33,756" kinh độ Đông và có độ cao 16,57m.

Từ mốc giới số 121/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'00,753" vĩ độ Bắc, 105°55'28,326" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 121/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,466km.

Mốc giới số 121/5 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'05,687" vĩ độ Bắc, 105°55'20,613" kinh độ Đông và có độ cao 18,73m.

Từ mốc giới số 121/5, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 121/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,450km.

Mốc giới số 121/6 là mốc phụ đơn, cắm gần đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'14,633" vĩ độ Bắc, 105°55'08,842" kinh độ Đông và có độ cao 20,58m.

Từ mốc giới số 121/6, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'15,451" vĩ độ Bắc, 105°55'07,675" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 121/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,336km.

Mốc giới số 121/7 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'20,358" vĩ độ Bắc, 105°54'59,388" kinh độ Đông và có độ cao 22,36m.

Từ mốc giới số 121/7, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 122. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,875km.

Mốc giới số 122 là mốc đơn, loại B, cắm gần đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'35,550" vĩ độ Bắc, 105°54'34,936" kinh độ Đông và có độ cao 22,98m.

Từ mốc giới số 122, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 122/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,417km.

Mốc giới số 122/1 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'43,049" vĩ độ Bắc, 105°54'23,446" kinh độ Đông và có độ cao 22,12m.

Từ mốc giới số 122/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 122/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,757km.

Mốc giới số 122/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'57,928" vĩ độ Bắc, 105°54'03,501" kinh độ Đông và có độ cao 18,89m.

Từ mốc giới số 122/2, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'59,857" vĩ độ Bắc, 105°54'01,257" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'05,137" vĩ độ Bắc, 105°53'57,146" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 122/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,660km.

Mốc giới số 122/3 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'13,070" vĩ độ Bắc, 105°53'48,134" kinh độ Đông và có độ cao 17,08m.

Từ mốc giới số 122/3, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 122/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,434km.

Mốc giới số 122/4 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'22,433" vĩ độ Bắc, 105°53'37,385" kinh độ Đông và có độ cao 16,78m.

Từ mốc giới số 122/4, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'29,351" vĩ độ Bắc, 105°53'29,622" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'32,695" vĩ độ Bắc, 105°53'24,619" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 122/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,616km.

Mốc giới số 122/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'34,519" vĩ độ Bắc, 105°53'21,246" kinh độ Đông và có độ cao 16,64m.

Từ mốc giới số 122/5, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'36,621" vĩ độ Bắc, 105°53'16,773" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý

11°40'37,349" vĩ độ Bắc, 105°53'14,907" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 123. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,361km.

Mốc giới số 123 là mốc đơn, loại B, cắm trên đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'37,365" vĩ độ Bắc, 105°53'09,961" kinh độ Đông và có độ cao 16,15m.

Từ mốc giới số 123, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 123/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,298km.

Mốc giới số 123/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'37,642" vĩ độ Bắc, 105°53'00,128" kinh độ Đông và có độ cao 17,48m.

Từ mốc giới số 123/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng, đến mốc giới số 123/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,274km.

Mốc giới số 123/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'35,271" vĩ độ Bắc, 105°52'51,391" kinh độ Đông và có độ cao 15,98m.

Từ mốc giới số 123/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'33,042" vĩ độ Bắc, 105°52'46,217" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 123/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,437km.

Mốc giới số 123/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'28,437" vĩ độ Bắc, 105°52'38,779" kinh độ Đông và có độ cao 15,74m.

Từ mốc giới số 123/3, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'23,772" vĩ độ Bắc, 105°52'33,999" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'19,506" vĩ độ Bắc, 105°52'29,942" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 123/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,576km.

Mốc giới số 123/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'15,938" vĩ độ Bắc, 105°52'24,706" kinh độ Đông và có độ cao 15,28m.

Từ mốc giới số 123/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'11,806" vĩ độ Bắc, 105°52'11,369" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 123/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,696km.

Mốc giới số 123/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'09,314" vĩ độ Bắc, 105°52'02,718" kinh độ Đông và có độ cao 15,19m.

Từ mốc giới số 123/5, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°40'06,630" vĩ độ Bắc, 105°51'51,837" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 123/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,488km.

Mốc giới số 123/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°40'04,886" vĩ độ Bắc, 105°51'47,270" kinh độ Đông và có độ cao 14,09m.

Từ mốc giới số 123/6, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 124. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,335km.

Mốc giới số 124 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'59,911" vĩ độ Bắc, 105°51'37,434" kinh độ Đông và có độ cao 14,25m.

Từ mốc giới số 124, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'56,093" vĩ độ Bắc, 105°51'31,736" kinh độ Đông và có độ cao 14,93m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'50,822" vĩ độ Bắc, 105°51'21,294" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'46,594" vĩ độ Bắc, 105°51'13,125" kinh độ Đông và có độ cao 13,72m; sau đó chuyển hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 124/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,270km.

Mốc giới số 124/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'35,109" vĩ độ Bắc, 105°51'05,180" kinh độ Đông và có độ cao 12,47m.

Từ mốc giới số 124/1, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'23,199" vĩ độ Bắc, 105°50'59,446" kinh độ Đông và có độ cao 12,05m; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 124/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,723km.

Mốc giới số 124/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°39'18,913" vĩ độ Bắc, 105°50'49,902" kinh độ Đông và có độ cao 11,26m.

Từ mốc giới số 124/2, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°39'08,059" vĩ độ Bắc, 105°50'47,764" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý

11°39'01,380" vĩ độ Bắc, 105°50'47,954" kinh độ Đông và có độ cao 12,08m; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'57,814" vĩ độ Bắc, 105°50'39,139" kinh độ Đông và có độ cao 12,47m; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 125. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,959km.

Mốc giới số 125 là mốc đơn, loại B, cắm phía Đông đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'59,948" vĩ độ Bắc, 105°50'35,589" kinh độ Đông và có độ cao 13,11m.

Từ mốc giới số 125, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 126. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,426km.

Mốc giới số 126 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'46,179" vĩ độ Bắc, 105°50'37,238" kinh độ Đông và có độ cao 13,73m.

Từ mốc giới số 126, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'31,696" vĩ độ Bắc, 105°50'25,795" kinh độ Đông và có độ cao 14,90m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'27,217" vĩ độ Bắc, 105°50'22,312" kinh độ Đông và có độ cao 14,51m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 127. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,163km.

Mốc giới số 127 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'16,286" vĩ độ Bắc, 105°50'13,693" kinh độ Đông và có độ cao 17,58m.

Từ mốc giới số 127, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°38'10,568" vĩ độ Bắc, 105°50'11,675" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 127/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,306km.

Mốc giới số 127/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°38'07,242" vĩ độ Bắc, 105°50'09,585" kinh độ Đông và có độ cao 18,69m.

Từ mốc giới số 127/1, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 127/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,543km.

Mốc giới số 127/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°37'50,122" vĩ độ Bắc, 105°50'05,119" kinh độ Đông và có độ cao 15,06m.

Từ mốc giới số 127/2, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'40,965" vĩ độ Bắc, 105°50'03,522" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'34,879" vĩ độ Bắc, 105°50'03,271" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 128. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,525km.

Mốc giới số 128 là mốc đơn, loại B, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°37'33,230" vĩ độ Bắc, 105°50'03,720" kinh độ Đông và có độ cao 12,20m.

Từ mốc giới số 128, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'32,130" vĩ độ Bắc, 105°50'03,956" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'31,248" vĩ độ Bắc, 105°50'02,518" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'31,099" vĩ độ Bắc, 105°49'59,486" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'30,284" vĩ độ Bắc, 105°49'57,087" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 128/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,333km.

Mốc giới số 128/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°37'28,300" vĩ độ Bắc, 105°49'55,441" kinh độ Đông và có độ cao 12,00m.

Từ mốc giới số 128/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'27,327" vĩ độ Bắc, 105°49'53,273" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°37'21,821" vĩ độ Bắc, 105°49'47,128" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 128/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,393km.

Mốc giới số 128/2 là mốc phụ đơn, cắm ở đầu suối không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 11°37'19,574" vĩ độ Bắc, 105°49'46,899" kinh độ Đông và có độ cao 11,06m.

Từ mốc giới số 128/2, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của suối không tên đến mốc giới số 129. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,044km.

Mốc giới số 129 là mốc đơn, loại C, cắm giữa suối không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 11°37'11,710" vĩ độ Bắc, 105°49'19,676" kinh độ Đông và có độ cao 9,11m.

Từ mốc giới số 129, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'54,421" vĩ độ Bắc, 105°49'17,660" kinh độ Đông và có độ cao 9,09m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'42,688" vĩ độ Bắc, 105°49'13,930" kinh độ Đông và có độ cao 8,28m, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'37,046" vĩ độ Bắc, 105°49'08,369" kinh độ Đông và có độ cao 7,85m; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 130. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,445km.

Mốc giới số 130 là mốc đơn, loại C, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'36,708" vĩ độ Bắc, 105°48'58,755" kinh độ Đông và có độ cao 7,77m.

Từ mốc giới số 130, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến cột mốc số 130/1(2); sau đó chuyển hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 130/1(1) và cột mốc số 130/1(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), tức là vị trí mốc giới số 130/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,770km.

Mốc giới số 130/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc 130/1(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'17,565" vĩ độ Bắc, 105°48'42,301" kinh độ Đông và có độ cao 4,96m, cách vị trí mốc giới số 130/1 là 16,71m; cột mốc 130/1(2) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'17,316" vĩ độ Bắc, 105°48'43,138" kinh độ Đông và có độ cao 5,91m;

Từ vị trí mốc giới số 130/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 130/2(1) và cột mốc số 130/2(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), tức là vị trí mốc giới số 130/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,704km.

Mốc giới số 130/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc 130/2(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'06,227" vĩ độ Bắc, 105°48'34,123" kinh độ Đông và có độ cao 5,98m, cách vị trí mốc giới số 130/2 là 16,37m; cột mốc 130/2(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°36'05,956" vĩ độ Bắc, 105°48'35,384" kinh độ Đông và có độ cao 5,52m, cách vị trí mốc giới số 130/2 là 22,71m.

Từ vị trí mốc giới số 130/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131(1) và cột mốc số 131(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), tức là vị trí mốc giới số 131. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,727km.

Mốc giới số 131 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc 131(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°35'57,351" vĩ độ Bắc, 105°48'36,106" kinh độ Đông và có độ cao 4,67m, cách vị trí mốc giới số 131 là 60,87m; cột mốc 131(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°35'59,059" vĩ độ Bắc, 105°48'38,990" kinh độ Đông và có độ cao 7,64m, cách vị trí mốc giới số 131 là 41,00m.

Từ vị trí mốc giới số 131, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/1(1) và cột mốc số 131/1(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), tức là vị trí mốc giới số 131/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,246km.

Mốc giới số 131/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/1(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°35'34,743" vĩ độ Bắc, 105°48'39,088" kinh độ Đông và có độ cao 3,80m, cách vị trí mốc giới số 131/1 là 17,44m; cột mốc số 131/1(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°35'35,343" vĩ độ Bắc, 105°48'40,122" kinh độ Đông và có độ cao 6,31m, cách vị trí mốc giới số 131/1 là 18,91m.

Từ vị trí mốc giới số 131/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/2(1) và cột mốc số 131/2(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), tức vị trí mốc giới số 131/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,331km.

Mốc giới số 131/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/2(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°35'02,518" vĩ độ Bắc, 105°48'48,609" kinh độ Đông và có độ cao 5,23m, cách vị trí mốc giới số 131/2 là 19,13m; cột mốc số 131/2(2) cắm trên bờ rạch

Cái Bác (tôn lê Mơn Chây) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°35'03,615" vĩ độ Bắc, 105°48'48,989" kinh độ Đông và có độ cao 3,94m, cách vị trí mốc giới số 131/2 là 16,48m.

Từ mốc giới số 131/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Mơn Chây), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/3(1) và cột mốc số 131/3(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức vị trí mốc giới số 131/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,643km.

Mốc giới số 131/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/3(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°34'36,983" vĩ độ Bắc, 105°48'54,202" kinh độ Đông và có độ cao 5,14m, cách vị trí mốc giới số 131/3 là 14,91m; cột mốc số 131/3(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°34'35,967" vĩ độ Bắc, 105°48'54,219" kinh độ Đông và có độ cao 4,51m, cách vị trí mốc giới số 131/3 là 16,31m.

Từ vị trí mốc giới số 131/3, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/4(1) và cột mốc số 131/4(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức vị trí mốc giới số 131/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 2,270km.

Mốc giới số 131/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/4(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°34'09,074" vĩ độ Bắc, 105°49'08,993" kinh độ Đông và có độ cao 2,59m, cách vị trí mốc giới số 131/4 là 12,36m; cột mốc số 131/4(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°34'08,992" vĩ độ Bắc, 105°49'08,112" kinh độ Đông và có độ cao 5,32m, cách vị trí mốc giới số 131/4 là 14,45m.

Từ vị trí mốc giới số 131/4, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/5(1) và cột mốc số 131/5(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 131/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 2,069km.

Mốc giới số 131/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/5(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'54,293" vĩ độ Bắc, 105°49'56,190" kinh độ Đông và có độ cao 6,41m, cách vị trí mốc giới số 131/5 là 17,20m; cột mốc số 131/5(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'55,261" vĩ độ Bắc, 105°49'55,594" kinh độ Đông và có độ cao 4,00m, cách vị trí mốc giới số 131/5 là 17,60m.

Từ vị trí mốc giới số 131/5, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/6(1) và cột mốc số 131/6(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 131/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,549km.

Mốc giới số 131/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/6(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'42,789" vĩ độ Bắc, 105°50'24,580" kinh độ Đông và có độ cao 4,64m, cách vị trí mốc giới số 131/6 là 26,69m; cột mốc số 131/6(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'44,015" vĩ độ Bắc, 105°50'25,671" kinh độ Đông và có độ cao 3,90m, cách vị trí mốc giới số 131/6 là 23,43m.

Từ vị trí mốc giới số 131/6, đường biên giới hướng chung hướng Đông, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/7(1) và cột mốc số 131/7(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 131/7. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 3,069km.

Mốc giới số 131/7 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/7(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'50,730" vĩ độ Bắc, 105°51'19,253" kinh độ Đông và có độ cao 2,97m, cách vị trí mốc giới số 131/7 là 20,26m; cột mốc số 131/7(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'51,993" vĩ độ Bắc, 105°51'19,068" kinh độ Đông và có độ cao 3,79m, cách vị trí mốc giới số 131/7 là 18,95m.

Từ vị trí mốc giới số 131/7, đường biên giới hướng chung hướng Đông, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm

của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/8(1) và cột mốc số 131/8(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 131/8. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 2,229km.

Mốc giới số 131/8 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/8(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'44,636" vĩ độ Bắc, 105°51'59,453" kinh độ Đông và có độ cao 3,79m, cách vị trí mốc giới 131/8 là 23,71m; cột mốc số 131/8(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'46,085" vĩ độ Bắc, 105°51'59,450" kinh độ Đông và có độ cao 4,61m, cách vị trí mốc giới 131/8 là 20,79m.

Từ vị trí mốc giới số 131/8, đường biên giới hướng chung Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 131/9(1) và cột mốc số 131/9(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 131/9. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 2,805km.

Mốc giới số 131/9 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 131/9(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'03,093" vĩ độ Bắc, 105°52'29,175" kinh độ Đông và có độ cao 3,49m, cách vị trí mốc giới 131/9 là 29,12m; cột mốc số 131/9(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°33'04,884" vĩ độ Bắc, 105°52'29,477" kinh độ Đông và có độ cao 2,66m, cách vị trí mốc giới 131/9 là 26,66m.

Từ vị trí mốc giới số 131/9, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 132(1) và cột mốc số 132(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 132. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 2,004km.

Mốc giới số 132 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 132(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°32'17,065" vĩ độ Bắc, 105°52'57,208" kinh độ Đông và có độ cao 4,76m, cách vị trí mốc giới số 132 là 53,03m; cột mốc số 132(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°32'18,855" vĩ độ Bắc,

105°52'59,573" kinh độ Đông và có độ cao 4,92m, cách vị trí mốc giới số 132 là 37,28m.

Từ vị trí mốc giới số 132, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 132/1(1) và cột mốc số 132/1(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 132/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,400km.

Mốc giới số 132/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 132/1(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°31'48,094" vĩ độ Bắc, 105°53'07,305" kinh độ Đông và có độ cao 3,61m, cách vị trí mốc giới số 132/1 là 24,05m; cột mốc số 132/1(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°31'47,587" vĩ độ Bắc, 105°53'08,849" kinh độ Đông và có độ cao 4,24m, cách vị trí mốc giới số 132/1 là 25,23m.

Từ vị trí mốc giới số 132/1, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 132/2(1) và cột mốc số 132/2(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 132/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,510km.

Mốc giới số 132/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 132/2(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°31'04,194" vĩ độ Bắc, 105°53'03,332" kinh độ Đông và có độ cao 3,27m, cách vị trí mốc giới số 132/2 là 24,56m; cột mốc số 132/2(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°31'03,329" vĩ độ Bắc, 105°53'04,601" kinh độ Đông và có độ cao 3,37m, cách vị trí mốc giới số 132/2 là 22,14m.

Từ mốc giới số 132/2, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 132/3(1) và cột mốc số 132/3(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 132/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,699km.

Mốc giới số 132/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 132/3(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý

11°30'40,274" vĩ độ Bắc, 105°52'47,086" kinh độ Đông và có độ cao 4,33m, cách vị trí mốc giới số 132/3 là 24,94m; cột mốc số 132/3(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°30'39,265" vĩ độ Bắc, 105°52'48,301" kinh độ Đông và có độ cao 2,56m, cách vị trí mốc giới số 132/3 là 23,18m.

Từ vị trí mốc giới số 132/3, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 132/4(1) và cột mốc số 132/4(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 132/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,981km.

Mốc giới số 132/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 132/4(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°30'10,902" vĩ độ Bắc, 105°52'50,525" kinh độ Đông và có độ cao 3,22m, cách vị trí mốc giới số 132/4 là 33,24m; cột mốc số 132/4(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°30'10,100" vĩ độ Bắc, 105°52'52,237" kinh độ Đông và có độ cao 4,50m, cách vị trí mốc giới số 132/4 là 24,18m.

Từ vị trí mốc giới số 132/4, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 132/5(1) và cột mốc số 132/5(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 132/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,571km.

Mốc giới số 132/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 132/5(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°29'33,988" vĩ độ Bắc, 105°53'02,191" kinh độ Đông và có độ cao 3,19m, cách vị trí mốc giới số 132/5 là 31,84m; cột mốc số 132/5(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°29'35,099" vĩ độ Bắc, 105°53'03,949" kinh độ Đông và có độ cao 2,98m, cách vị trí mốc giới số 132/5 là 31,40m.

Từ vị trí mốc giới số 132/5, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133(1) và cột mốc số 133(2) với trung tuyến

luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,618km.

Mốc giới số 133 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 133(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°29'18,303" vĩ độ Bắc, 105°52'59,442" kinh độ Đông và có độ cao 2,98m, cách vị trí mốc 133 là 68,47m; cột mốc số 133(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°29'16,168" vĩ độ Bắc, 105°53'03,245" kinh độ Đông và có độ cao 3,90m, cách vị trí mốc giới số 133 là 64,12m.

Từ vị trí mốc giới số 133, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/1(1) và cột mốc số 133/1(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,931km.

Mốc giới số 133/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/1(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°28'54,398" vĩ độ Bắc, 105°52'56,199" kinh độ Đông và có độ cao 2,81m, cách vị trí mốc giới số 133/1 là 34,03m; cột mốc số 133/1(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°28'52,613" vĩ độ Bắc, 105°52'55,130" kinh độ Đông và có độ cao 3,59m, cách vị trí mốc giới số 133/1 là 29,65m.

Từ vị trí mốc giới số 133/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/2(1) và cột mốc số 133/2(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức vị trí mốc giới số 133/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,222km.

Mốc giới số 133/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/2(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°28'33,346" vĩ độ Bắc, 105°52'36,678" kinh độ Đông và có độ cao 2,90m, cách vị trí mốc giới số 133/2 là 26,52m; cột mốc số 133/2(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°28'32,697" vĩ độ Bắc, 105°52'38,270" kinh độ Đông và có độ cao 2,19m, cách vị trí mốc giới số 133/2 là 25,67m.

Từ vị trí mốc giới số 133/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/3(1) và cột mốc số 133/3(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,029km.

Mốc giới số 133/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/3(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°28'09,501" vĩ độ Bắc, 105°52'44,741" kinh độ Đông và có độ cao 2,17m, cách vị trí mốc giới số 133/3 là 34,32m; cột mốc số 133/3(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°28'07,841" vĩ độ Bắc, 105°52'45,602" kinh độ Đông và có độ cao 3,41m, cách vị trí mốc giới số 133/3 là 22,98m.

Từ vị trí mốc giới số 133/3, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/4(1) và cột mốc số 133/4(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,346km.

Mốc giới số 133/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/4(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'38,380" vĩ độ Bắc, 105°52'27,555" kinh độ Đông và có độ cao 3,57m, cách vị trí mốc giới số 133/4 là 23,03m; cột mốc số 133/4(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'39,215" vĩ độ Bắc, 105°52'28,951" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m, cách vị trí mốc giới số 133/4 là 26,43m.

Từ vị trí mốc giới số 133/4, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/5(1) và cột mốc số 133/5(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,868km.

Mốc giới số 133/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/5(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'43,384" vĩ độ Bắc, 105°52'44,373" kinh độ Đông và có độ cao 2,03m, cách vị trí mốc giới số 133/5 là 33,99m; cột mốc số 133/5(2) cắm trên bờ rạch

Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'45,255" vĩ độ Bắc, 105°52'45,461" kinh độ Đông và có độ cao 1,91m, cách vị trí mốc giới số 133/5 là 32,29m.

Từ vị trí mốc giới số 133/5, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/6(1) và cột mốc số 133/6(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,804km.

Mốc giới số 133/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/6(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'20,263" vĩ độ Bắc, 105°52'47,209" kinh độ Đông và có độ cao 2,64m, cách vị trí mốc giới số 133/6 là 24,00m; cột mốc số 133/6(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'21,243" vĩ độ Bắc, 105°52'48,518" kinh độ Đông và có độ cao 2,39m, cách vị trí mốc giới số 133/6 là 25,79m.

Từ vị trí mốc giới số 133/6, đường biên giới hướng chung Đông Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/7(1) và cột mốc số 133/7(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/7. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,176km.

Mốc giới số 133/7 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/7(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'01,302" vĩ độ Bắc, 105°53'12,458" kinh độ Đông và có độ cao 2,16m, cách vị trí mốc giới số 133/7 là 27,13m; cột mốc số 133/7(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'03,012" vĩ độ Bắc, 105°53'13,569" kinh độ Đông và có độ cao 2,50m, cách vị trí mốc giới số 133/7 là 35,25m.

Từ vị trí mốc giới số 133/7, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/8(1) và cột mốc số 133/8(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là mốc giới số 133/8. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,794km.

Mốc giới số 133/8 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/8(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'07,163" vĩ độ Bắc, 105°53'37,089" kinh độ Đông và có độ cao 2,68m, cách vị trí mốc giới số 133/8 là 31,50m; cột mốc số 133/8(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'09,225" vĩ độ Bắc, 105°53'36,817" kinh độ Đông và có độ cao 3,02m, cách vị trí mốc giới số 133/8 là 32,37m.

Từ vị trí mốc giới số 133/8, đường biên giới hướng chung hướng Đông, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/9(1) và cột mốc số 133/9(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là mốc giới số 133/9. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,918km.

Mốc giới số 133/9 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/9(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'04,326" vĩ độ Bắc, 105°54'00,404" kinh độ Đông và có độ cao 2,92m, cách vị trí mốc giới số 133/9 là 63,05m; cột mốc số 133/9(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°27'07,660" vĩ độ Bắc, 105°54'02,128" kinh độ Đông và có độ cao 2,37m, cách vị trí mốc giới số 133/9 là 51,93m.

Từ vị trí mốc giới số 133/9, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/10(1) và cột mốc số 133/10(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/10. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,306km.

Mốc giới số 133/10 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/10(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°26'40,690" vĩ độ Bắc, 105°54'09,445" kinh độ Đông và có độ cao 2,37m, cách vị trí mốc giới số 133/10 là 36,33m; cột mốc số 133/10(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°26'40,388" vĩ độ Bắc, 105°54'11,586" kinh độ Đông và có độ cao 2,37m, cách vị trí mốc giới số 133/10 là 29,22m.

Từ vị trí mốc giới số 133/10, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của

đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/11(1) và cột mốc số 133/11(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/11. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,266km.

Mốc giới số 133/11 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/11(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°26'03,440" vĩ độ Bắc, 105°54'02,512" kinh độ Đông và có độ cao 3,01m, cách vị trí mốc giới số 133/11 là 35,01m; cột mốc số 133/11(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°26'02,807" vĩ độ Bắc, 105°54'04,670" kinh độ Đông và có độ cao 2,26m, cách vị trí mốc giới số 133/11 là 33,23m.

Từ vị trí mốc giới số 133/11, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 133/12(1) và cột mốc số 133/12(2) với trung tuyến luồng của rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), tức là vị trí mốc giới số 133/12. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,915km.

Mốc giới số 133/12 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 133/12(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°25'28,892" vĩ độ Bắc, 105°53'26,016" kinh độ Đông và có độ cao 2,14m, cách vị trí mốc giới số 133/12 là 31,81m; cột mốc số 133/12(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°25'27,648" vĩ độ Bắc, 105°53'27,644" kinh độ Đông và có độ cao 1,84m, cách vị trí mốc giới số 133/12 là 30,61m.

Từ vị trí mốc giới số 133/12, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti), đến giao điểm của trung tuyến luồng rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) và trung tuyến luồng rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây) với trung tuyến luồng sông Vàm Cỏ Đông chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 134. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,425km.

Mốc giới số 134 là mốc ba cùng số, loại C, gồm có:

- Cột mốc số 134(1) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'50,998" vĩ độ Bắc, 105°53'08,401" kinh độ Đông và có độ cao 3,63m, cách vị trí mốc giới số 134 là 70,42m; khoảng cách từ cột mốc số 134(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng

nối liền với cột mốc số 134(2) có chiều dài là 61,47m; khoảng cách từ cột mốc số 134(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 134(3) có chiều dài là 96,44m.

- Cột mốc số 134(2) cắm trên bờ rạch Cái Bác (tôn lê Rô Ti) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'51,684" vĩ độ Bắc, 105°53'14,607" kinh độ Đông và có độ cao 2,61m, cách vị trí mốc giới số 134 là 138,74m; khoảng cách từ cột mốc số 134(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 134(1) có chiều dài là 127,79m.

- Cột mốc số 134(3), cắm trên bờ rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'46,484" vĩ độ Bắc, 105°53'11,950" kinh độ Đông và có độ cao 2,75m, cách vị trí mốc giới số 134 là 113,84m; khoảng cách từ cột mốc số 134(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 134(1) có chiều dài là 79,06m.

Từ vị trí mốc giới số 134, đường biên giới hướng chung Tây Nam, ngược theo trung tuyến luồng rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 134/1(1) và cột mốc số 134/1(2) với trung tuyến luồng rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây), tức là vị trí mốc giới số 134/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,180km.

Mốc giới số 134/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 134/1(1) cắm trên bờ rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'25,520" vĩ độ Bắc, 105°52'47,437" kinh độ Đông và có độ cao 1,99m, cách vị trí mốc 134/1 là 31,36m; cột mốc số 134/1(2) cắm trên bờ rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'23,570" vĩ độ Bắc, 105°52'48,148" kinh độ Đông và có độ cao 4,07m, cách vị trí mốc 134/1 là 32,28m.

Từ vị trí mốc giới số 134/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, ngược theo trung tuyến luồng rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 135(1) và cột mốc số 135(2) với trung tuyến luồng rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây), tức là vị trí mốc giới số 135. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,963km.

Mốc giới số 135 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 135(1) cắm trên bờ rạch Cái Cây (stưng Kam Pung Kơ Đây) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'18,014" vĩ độ Bắc, 105°52'17,427" kinh độ Đông và có độ cao 1,87m,

cách vị trí mốc 135 là 52,23m; cột mốc số 135(2) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'13,502" vĩ độ Bắc, 105°52'19,934" kinh độ Đông và có độ cao 2,39m.

Từ vị trí mốc giới số 135, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến cột mốc số 135(2), rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 135/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,452km.

Mốc giới số 135/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°24'03,589" vĩ độ Bắc, 105°52'25,345" kinh độ Đông và có độ cao 2,33m.

Từ mốc giới số 135/1, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 135/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,461km.

Mốc giới số 135/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°23'50,380" vĩ độ Bắc, 105°52'32,559" kinh độ Đông và có độ cao 2,33m.

Từ mốc giới số 135/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 135/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,477km.

Mốc giới số 135/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°23'36,715" vĩ độ Bắc, 105°52'40,012" kinh độ Đông và có độ cao 2,18m.

Từ mốc giới số 135/3, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến cột mốc số 136(1), rồi theo đường thẳng đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 136(1) và cột mốc số 136(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong), tức là vị trí mốc giới số 136. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,472km.

Mốc giới số 136 là mốc đôi cùng số, loại B: Cột mốc số 136(1) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°23'24,792" vĩ độ Bắc, 105°52'46,519" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m; cột mốc số 136(2) cắm trên bờ rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý là 11°23'22,639" vĩ độ Bắc, 105°52'47,551" kinh độ Đông và có độ cao 2,47m, cách vị trí mốc giới số 136 là 16,78m.

Từ vị trí mốc giới số 136, đường biên giới hướng chung Tây Nam, ngược theo trung tuyến dòng chảy của rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 136/1(1) và cột mốc số 136/1(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong), tức là vị trí mốc giới số 136/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,274km.

Mốc giới số 136/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 136/1(1) cắm trên bờ rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'54,149" vĩ độ Bắc, 105°52'23,417" kinh độ Đông và có độ cao 3,65m, cách vị trí mốc số 136/1 là 6,60m; cột mốc số 136/1(2) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'54,093" vĩ độ Bắc, 105°52'23,824" kinh độ Đông và có độ cao 3,58m.

Từ vị trí mốc giới số 136/1, đường biên giới hướng Đông, theo đường thẳng qua cột mốc số 136/1(2) đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'54,036"vĩ độ Bắc, 105°52'24,282" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'48,507" vĩ độ Bắc, 105°52'24,266" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'48,483" vĩ độ Bắc, 105°52'24,570" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'46,855" vĩ độ Bắc, 105°52'24,523" kinh độ Đông và có độ cao 4,28m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'46,866" độ Bắc, 105°52'24,255" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'42,117" vĩ độ Bắc, 105°52'24,409" kinh độ Đông và có độ cao 4,46m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'38,292" vĩ độ Bắc, 105°52'24,609" kinh độ Đông và có độ cao 4,13m, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'30,039" vĩ độ Bắc, 105°52'26,174" kinh độ Đông và có độ cao 4,36m; sau đó chuyển hướng Tây, theo đường thẳng qua cột mốc số 136/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 136/2(1) và cột mốc số 136/2(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong), tức là vị trí mốc giới số 136/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,876km.

Mốc giới số 136/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 136/2(1) cắm trên bờ rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'29,899" vĩ độ Bắc, 105°52'22,513" kinh độ Đông và có độ cao 4,40m, cách vị trí mốc giới số 136/2 là 14,07m; cột mốc số 136/2(2) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'29,938" vĩ độ Bắc, 105°52'23,550" kinh độ Đông và có độ cao 4,14m.

Từ vị trí mốc giới số 136/2, đường biên giới hướng chung Tây Nam, ngược theo trung tuyến dòng chảy của rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong), đến giao điểm

của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 137(1) và cột mốc số 137(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong), tức là vị trí mốc giới số 137. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,208km.

Mốc giới số 137 là mốc đôi cùng số, loại B: Cột mốc số 137(1) cắm trên bờ rạch Tâm Ru (prêch Sam Rong) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'26,518" vĩ độ Bắc, 105°52'19,267" kinh độ Đông và có độ cao 4,36m, cách vị trí mốc giới số 137 là 59,56m; cột mốc số 137(2) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'23,844" vĩ độ Bắc, 105°52'24,872" kinh độ Đông và có độ cao 4,39m.

Từ vị trí mốc giới số 137, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến cột mốc số 137(2), rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 137/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,594km.

Mốc giới số 137/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Bắc đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'16,807" vĩ độ Bắc, 105°52'38,437" kinh độ Đông và có độ cao 6,09m.

Từ mốc giới số 137/1, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'17,574" vĩ độ Bắc, 105°52'39,530" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'18,497" vĩ độ Bắc, 105°52'41,890" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'19,190" vĩ độ Bắc, 105°52'43,516" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'19,829" vĩ độ Bắc, 105°52'45,914" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'20,131" vĩ độ Bắc, 105°52'47,417" kinh độ Đông và có độ cao 6,61m, tiếp tục theo đường thẳng đến đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'20,787" vĩ độ Bắc, 105°52'49,609" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'21,615" vĩ độ Bắc, 105°52'53,566" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 137/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,518km.

Mốc giới số 137/2 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'21,708" vĩ độ Bắc, 105°52'54,640" kinh độ Đông và có độ cao 6,90m.

Từ mốc giới số 137/2, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'18,419" vĩ độ Bắc,

105°52'55,222" kinh độ Đông và có độ cao 7,31m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'18,362" vĩ độ Bắc, 105°52'54,110" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°22'15,806" vĩ độ Bắc, 105°52'54,555" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'15,650" vĩ độ Bắc, 105°52'53,669" kinh độ Đông và có độ cao 7,41m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 137/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,452km.

Mốc giới số 137/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'08,919" vĩ độ Bắc, 105°52'54,707" kinh độ Đông và có độ cao 6,75m.

Từ mốc giới số 137/3, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'08,342" vĩ độ Bắc, 105°52'58,515" kinh độ Đông và có độ cao 5,28m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'06,394" vĩ độ Bắc, 105°52'58,512" kinh độ Đông và có độ cao 3,62m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 138. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,263km.

Mốc giới số 138 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°22'05,078" vĩ độ Bắc, 105°53'01,048" kinh độ Đông và có độ cao 3,51m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 138 đến mốc giới số 146 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 146 là mốc đơn, loại B, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°16'55,331" vĩ độ Bắc, 105°52'06,234" kinh độ Đông và có độ cao 6,33m.

Từ mốc giới số 146, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'55,609" vĩ độ Bắc, 105°52'07,256" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'55,710" vĩ độ Bắc, 105°52'08,233" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'56,486" vĩ độ Bắc, 105°52'09,244" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'56,892" vĩ độ Bắc, 105°52'10,314" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'57,308" vĩ độ Bắc, 105°52'12,137" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'57,482" vĩ độ Bắc, 105°52'12,224" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'59,306" vĩ độ Bắc, 105°52'15,852" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'59,478" vĩ độ Bắc, 105°52'16,823" kinh

độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'00,547" vĩ độ Bắc, 105°52'19,789" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'00,826" vĩ độ Bắc, 105°52'19,724" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'01,602" vĩ độ Bắc, 105°52'20,925" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 146/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,529km.

Mốc giới số 146/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'02,496" vĩ độ Bắc, 105°52'20,567" kinh độ Đông và có độ cao 6,06m.

Từ mốc giới số 146/1, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'03,380" vĩ độ Bắc, 105°52'22,835" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'03,174" vĩ độ Bắc, 105°52'23,085" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'04,515" vĩ độ Bắc, 105°52'24,814" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'05,297" vĩ độ Bắc, 105°52'24,587" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'05,911" vĩ độ Bắc, 105°52'26,104" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'07,639" vĩ độ Bắc, 105°52'28,007" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'09,173" vĩ độ Bắc, 105°52'29,596" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'09,604" vĩ độ Bắc, 105°52'29,693" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'11,194" vĩ độ Bắc, 105°52'31,007" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 146/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,539km.

Mốc giới số 146/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'13,135" vĩ độ Bắc, 105°52'33,307" kinh độ Đông và có độ cao 5,43m.

Từ mốc giới số 146/2, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'14,208" vĩ độ Bắc, 105°52'34,921" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'14,659" vĩ độ Bắc, 105°52'35,304" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,611" vĩ độ Bắc, 105°52'37,524" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,768" vĩ độ Bắc, 105°52'38,984" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có

tọa độ địa lý 11°17'15,571" vĩ độ Bắc, 105°52'39,965" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 146/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,288km.

Mốc giới số 146/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,425" vĩ độ Bắc, 105°52'42,027" kinh độ Đông và có độ cao 6,26m.

Từ mốc giới số 146/3, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,838" vĩ độ Bắc, 105°52'44,176" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,930" vĩ độ Bắc, 105°52'45,944" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,956" vĩ độ Bắc, 105°52'48,303" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,224" vĩ độ Bắc, 105°52'51,603" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 146/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,393km.

Mốc giới số 146/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,228" vĩ độ Bắc, 105°52'54,868" kinh độ Đông và có độ cao 5,79m.

Từ mốc giới số 146/4, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,553" vĩ độ Bắc, 105°53'00,033" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,044" vĩ độ Bắc, 105°53'00,032" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,279" vĩ độ Bắc, 105°53'06,196" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,821" vĩ độ Bắc, 105°53'06,281" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,995" vĩ độ Bắc, 105°53'07,510" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,196" vĩ độ Bắc, 105°53'08,678" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 147. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,480km.

Mốc giới số 147 là mốc đơn, loại B, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,884" vĩ độ Bắc, 105°53'09,725" kinh độ Đông và có độ cao 4,30m.

Từ mốc giới số 147, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,971" vĩ độ Bắc, 105°53'10,913" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,873" vĩ độ Bắc, 105°53'12,407" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,423" vĩ độ Bắc, 105°53'15,320" kinh

độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 147/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,192km.

Mốc giới số 147/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,815" vĩ độ Bắc, 105°53'15,878" kinh độ Đông và có độ cao 4,19m.

Từ mốc giới số 147/1, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,612" vĩ độ Bắc, 105°53'17,155" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,868" vĩ độ Bắc, 105°53'18,017" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,789" vĩ độ Bắc, 105°53'19,108" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,577" vĩ độ Bắc, 105°53'19,161" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 147/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,207km.

Mốc giới số 147/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,569" vĩ độ Bắc, 105°53'22,248" kinh độ Đông và có độ cao 4,81m.

Từ mốc giới số 147/2, đường biên giới hướng chung hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'16,237" vĩ độ Bắc, 105°53'23,917" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,649" vĩ độ Bắc, 105°53'26,009" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'15,171" vĩ độ Bắc, 105°53'27,097" kinh độ Đông và có độ cao 5,19m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'12,759" vĩ độ Bắc, 105°53'36,503" kinh độ Đông và có độ cao 4,91m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'09,265" vĩ độ Bắc, 105°53'44,494" kinh độ Đông và có độ cao 5,38m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'08,200" vĩ độ Bắc, 105°53'46,959" kinh độ Đông và có độ cao 5,78m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 147/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,811km.

Mốc giới số 147/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'07,670" vĩ độ Bắc, 105°53'47,042" kinh độ Đông và có độ cao 5,70m.

Từ mốc giới số 147/3, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'06,513" vĩ độ Bắc, 105°53'49,549" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'05,851" vĩ độ Bắc, 105°53'53,326" kinh độ Đông và có độ

cao 5,84m; sau đó chuyển hướng Đông Bắc, theo đường đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'09,460" vĩ độ Bắc, 105°53'55,778" kinh độ Đông và có độ cao 5,54m; sau đó chuyển hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'05,409" vĩ độ Bắc, 105°54'01,161" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 147/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,550km.

Mốc giới số 147/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'05,063" vĩ độ Bắc, 105°54'01,243" kinh độ Đông và có độ cao 5,28m.

Từ mốc giới số 147/4, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'05,014" vĩ độ Bắc, 105°54'07,264" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 147/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,277km.

Mốc giới số 147/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'03,466" vĩ độ Bắc, 105°54'09,973" kinh độ Đông và có độ cao 3,94m.

Từ mốc giới số 147/5, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'03,025" vĩ độ Bắc, 105°54'11,949" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'02,759" vĩ độ Bắc, 105°54'16,067" kinh độ Đông và có độ cao 5,29m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'03,631" vĩ độ Bắc, 105°54'16,833" kinh độ Đông và có độ cao 4,42m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'04,120" vĩ độ Bắc, 105°54'17,601" kinh độ Đông và có độ cao 4,86m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'03,587" vĩ độ Bắc, 105°54'19,462" kinh độ Đông và có độ cao 4,87m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'04,822" vĩ độ Bắc, 105°54'23,055" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 147/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,528km.

Mốc giới số 147/6 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ suối không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'04,925" vĩ độ Bắc, 105°54'26,489" kinh độ Đông và có độ cao 2,78m.

Từ mốc giới số 147/6, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 148. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,191km.

Mốc giới số 148 là mốc đơn, loại B, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°17'03,308" vĩ độ Bắc, 105°54'32,562" kinh độ Đông và có độ cao 1,77m.

Từ mốc giới số 148, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°17'01,708" vĩ độ Bắc, 105°54'32,951" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'55,630" vĩ độ Bắc, 105°54'30,397" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'51,684" vĩ độ Bắc, 105°54'27,986" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'46,951" vĩ độ Bắc, 105°54'27,752" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 148/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,646km.

Mốc giới số 148/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°16'43,490" vĩ độ Bắc, 105°54'27,846" kinh độ Đông và có độ cao 7,02m.

Từ mốc giới số 148/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 148/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,352km.

Mốc giới số 148/2 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°16'32,047" vĩ độ Bắc, 105°54'28,112" kinh độ Đông và có độ cao 6,89m.

Từ mốc giới số 148/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'30,938" vĩ độ Bắc, 105°54'28,456" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'27,117" vĩ độ Bắc, 105°54'30,960" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 148/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,264km.

Mốc giới số 148/3 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°16'24,736" vĩ độ Bắc, 105°54'32,631" kinh độ Đông và có độ cao 6,58m.

Từ mốc giới số 148/3, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 148/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,238km.

Mốc giới số 148/4 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°16'18,359" vĩ độ Bắc, 105°54'37,111" kinh độ Đông và có độ cao 7,40m.

Từ mốc giới số 148/4, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'13,813" vĩ độ Bắc, 105°54'40,287" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 148/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,255km.

Mốc giới số 148/5 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°16'11,387" vĩ độ Bắc, 105°54'41,673" kinh độ Đông và có độ cao 7,26m.

Từ mốc giới số 148/5, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'08,131" vĩ độ Bắc, 105°54'42,880" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'06,154" vĩ độ Bắc, 105°54'43,509" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 148/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,301km.

Mốc giới số 148/6 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°16'01,928" vĩ độ Bắc, 105°54'44,099" kinh độ Đông và có độ cao 7,30m.

Từ mốc giới số 148/6, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°16'01,277" vĩ độ Bắc, 105°54'44,122" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 149. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,239km.

Mốc giới số 149 là mốc đơn, loại B, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°15'54,441" vĩ độ Bắc, 105°54'42,021" kinh độ Đông và có độ cao 7,00m.

Từ mốc giới số 149, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 149/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,365km.

Mốc giới số 149/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°15'43,034" vĩ độ Bắc, 105°54'38,606" kinh độ Đông và có độ cao 7,65m.

Từ mốc giới số 149/1, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 149/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,600km.

Mốc giới số 149/2 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°15'25,763" vĩ độ Bắc, 105°54'29,355" kinh độ Đông và có độ cao 7,86m.

Từ mốc giới số 149/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 149/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,425km.

Mốc giới số 149/3 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°15'12,131" vĩ độ Bắc, 105°54'27,002" kinh độ Đông và có độ cao 7,62m.

Từ mốc giới số 149/3, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 150. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,606km.

Mốc giới số 150 là mốc đơn, loại B (cặp cửa khẩu Phước Tân - Bố Môn), tại điểm có tọa độ địa lý 11°14'53,249" vĩ độ Bắc, 105°54'32,764" kinh độ Đông và có độ cao 7,91m.

Từ mốc giới số 150, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 150/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,402km.

Mốc giới số 150/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Đông đường đê, tại điểm có tọa độ địa lý 11°14'40,959" vĩ độ Bắc, 105°54'37,360" kinh độ Đông và có độ cao 7,66m.

Từ mốc giới số 150/1, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°14'35,441" vĩ độ Bắc, 105°54'38,647" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 151. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,474km.

Mốc giới số 151 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°14'25,694" vĩ độ Bắc, 105°54'39,467" kinh độ Đông và có độ cao 6,88m.

Từ mốc giới số 151, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 151/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,416km.

Mốc giới số 151/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°14'14,549" vĩ độ Bắc, 105°54'47,240" kinh độ Đông và có độ cao 7,31m.

Từ mốc giới số 151/1, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 151/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,416km.

Mốc giới số 151/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°14'03,405" vĩ độ Bắc, 105°54'55,026" kinh độ Đông và có độ cao 7,42m.

Từ mốc giới số 151/2, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 151/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,416km.

Mốc giới số 151/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°13'52,253" vĩ độ Bắc, 105°55'02,817" kinh độ Đông và có độ cao 7,30m.

Từ mốc giới số 151/3, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 151/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,345km.

Mốc giới số 151/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°13'43,008" vĩ độ Bắc, 105°55'09,276" kinh độ Đông và có độ cao 7,16m.

Từ mốc giới số 151/4, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 151/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,577km.

Mốc giới số 151/5 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°13'27,541" vĩ độ Bắc, 105°55'20,074" kinh độ Đông và có độ cao 7,25m.

Từ mốc giới số 151/5, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 151/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,323km.

Mốc giới số 151/6 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°13'18,880" vĩ độ Bắc, 105°55'26,124" kinh độ Đông và có độ cao 7,07m.

Từ mốc số 151/6, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 152. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,617km.

Mốc giới số 152 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°13'02,327" vĩ độ Bắc, 105°55'37,671" kinh độ Đông và có độ cao 6,74m.

Từ mốc giới số 152, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°13'01,606" vĩ độ Bắc, 105°55'42,811" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 152/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,328km.

Mốc giới số 152/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°13'01,227" vĩ độ Bắc, 105°55'48,413" kinh độ Đông và có độ cao 6,87m.

Từ mốc giới số 152/1, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°12'58,542" vĩ độ Bắc, 105°55'52,327" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 152/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,301km.

Mốc giới số 152/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ mương, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'55,105" vĩ độ Bắc, 105°55'56,138" kinh độ Đông và có độ cao 7,43m.

Từ mốc giới số 152/2, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°12'52,153" vĩ độ Bắc, 105°55'59,023" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 152/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,250km.

Mốc giới số 152/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'49,868" vĩ độ Bắc, 105°56'02,412" kinh độ Đông và có độ cao 6,87m.

Từ mốc giới số 152/3, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°12'46,875" vĩ độ Bắc, 105°56'05,792" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 152/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,268km.

Mốc giới số 152/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'43,553" vĩ độ Bắc, 105°56'08,450" kinh độ Đông và có độ cao 6,67m.

Từ mốc giới số 152/4, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 152/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,160km.

Mốc giới số 152/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'39,692" vĩ độ Bắc, 105°56'11,975" kinh độ Đông và có độ cao 6,64m.

Từ mốc giới số 152/5, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°12'36,449" vĩ độ Bắc, 105°56'14,273" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 152/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,235km.

Mốc giới số 152/6 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'33,460" vĩ độ Bắc, 105°56'16,462" kinh độ Đông và có độ cao 6,77m.

Từ mốc giới số 152/6, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°12'30,056" vĩ độ Bắc, 105°56'19,629" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 152/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,292km.

Mốc giới số 152/7 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'27,017" vĩ độ Bắc, 105°56'23,491" kinh độ Đông và có độ cao 6,70m.

Từ mốc giới số 152/7, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°12'24,375" vĩ độ Bắc, 105°56'26,458" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 153. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,228km.

Mốc giới số 153 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'22,599" vĩ độ Bắc, 105°56'29,491" kinh độ Đông và có độ cao 6,23m.

Từ mốc giới số 153, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 153/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,421km.

Mốc giới số 153/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'17,248" vĩ độ Bắc, 105°56'42,279" kinh độ Đông và có độ cao 6,42m.

Từ mốc giới số 153/1, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 153/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,421km.

Mốc giới số 153/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'11,895" vĩ độ Bắc, 105°56'55,066" kinh độ Đông và có độ cao 6,34m.

Từ mốc giới số 153/2, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 153/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,547km.

Mốc giới số 153/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°12'04,943" vĩ độ Bắc, 105°57'11,681" kinh độ Đông và có độ cao 6,37m.

Từ mốc giới số 153/3, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 153/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,508km.

Mốc giới số 153/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'58,484" vĩ độ Bắc, 105°57'27,105" kinh độ Đông và có độ cao 6,35m.

Từ mốc giới số 153/4, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 153/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,633km.

Mốc giới số 153/5 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'50,443" vĩ độ Bắc, 105°57'46,314" kinh độ Đông và có độ cao 6,48m.

Từ mốc giới số 153/5, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 154. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,422km.

Mốc giới số 154 là mốc đơn, loại B, cắm phía Tây đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'45,081" vĩ độ Bắc, 105°57'59,120" kinh độ Đông và có độ cao 6,37m.

Từ mốc giới số 154, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'46,338" vĩ độ Bắc, 105°58'01,663" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 154/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,201km.

Mốc giới số 154/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'48,512" vĩ độ Bắc, 105°58'04,745" kinh độ Đông và có độ cao 6,71m.

Từ mốc giới số 154/1, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'50,214" vĩ độ Bắc, 105°58'07,763" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 154/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,221km.

Mốc giới số 154/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'51,818" vĩ độ Bắc, 105°58'11,192" kinh độ Đông và có độ cao 6,95m.

Từ mốc giới số 154/2, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'53,361" vĩ độ Bắc, 105°58'14,487" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'54,770" vĩ độ Bắc, 105°58'19,035" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 154/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,359km.

Mốc giới số 154/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'56,093" vĩ độ Bắc, 105°58'22,169" kinh độ Đông và có độ cao 6,90m.

Từ mốc giới số 154/3, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'56,810" vĩ độ Bắc, 105°58'25,391" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'58,070" vĩ độ Bắc, 105°58'29,179" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 155. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,310km.

Mốc giới số 155 là mốc đơn, loại B, cắm phía Đông bàu Trường Heo (Kbal Chrúk), tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'56,765" vĩ độ Bắc, 105°58'31,791" kinh độ Đông và có độ cao 6,78m.

Từ mốc giới số 155, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'54,609" vĩ độ Bắc, 105°58'34,707" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 155/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,295km.

Mốc giới số 155/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'51,887" vĩ độ Bắc, 105°58'40,112" kinh độ Đông và có độ cao 7,11m.

Từ mốc giới số 155/1, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'48,908" vĩ độ Bắc, 105°58'47,245" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 155/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,459km.

Mốc giới số 155/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'45,814" vĩ độ Bắc, 105°58'53,942" kinh độ Đông và có độ cao 7,08m.

Từ mốc giới số 155/2, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'43,223" vĩ độ Bắc, 105°59'01,251" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 155/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,470km.

Mốc giới số 155/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'40,921" vĩ độ Bắc, 105°59'08,608" kinh độ Đông và có độ cao 7,07m.

Từ mốc giới số 155/3, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'38,282" vĩ độ Bắc, 105°59'15,748" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 155/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,445km.

Mốc giới số 155/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'36,743" vĩ độ Bắc, 105°59'22,612" kinh độ Đông và có độ cao 7,11m.

Từ mốc giới số 155/4, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'33,735" vĩ độ Bắc, 105°59'29,526" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°11'32,631" vĩ độ Bắc, 105°59'34,879" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 155/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,553km.

Mốc giới số 155/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'31,421" vĩ độ Bắc, 105°59'39,932" kinh độ Đông và có độ cao 6,99m.

Từ mốc giới số 155/5, đường biên giới hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 155/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,195km.

Mốc giới số 155/6 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'28,305" vĩ độ Bắc, 105°59'45,530" kinh độ Đông và có độ cao 6,97m.

Từ mốc giới số 155/6, đường biên giới hướng Đông, theo đường thẳng đến mốc giới số 155/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,685km.

Mốc giới số 155/7 là mốc phụ đơn, cắm phía Đông đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'27,945" vĩ độ Bắc, 106°00'08,125" kinh độ Đông và có độ cao 6,89m.

Từ mốc giới số 155/7, đường biên giới hướng Đông, theo đường thẳng đến mốc giới số 155/8. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,513km.

Mốc giới số 155/8 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'27,679" vĩ độ Bắc, 106°00'25,034" kinh độ Đông và có độ cao 6,89m.

Từ mốc giới số 155/8, đường biên giới hướng Đông, theo đường thẳng đến mốc giới số 156. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,801km.

Mốc giới số 156 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'27,256" vĩ độ Bắc, 106°00'51,428" kinh độ Đông và có độ cao 6,86m.

Từ mốc giới số 156, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 156/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,545km.

Mốc giới số 156/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ mương, tại điểm có tọa độ địa lý 11°11'09,601" vĩ độ Bắc, 106°00'53,102" kinh độ Đông và có độ cao 6,98m.

Từ mốc giới số 156/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 156/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,543km.

Mốc giới số 156/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°10'51,992" vĩ độ Bắc, 106°00'54,767" kinh độ Đông và có độ cao 6,73m.

Từ mốc giới số 156/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 156/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,543km.

Mốc giới số 156/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°10'34,396" vĩ độ Bắc, 106°00'56,438" kinh độ Đông và có độ cao 6,93m.

Từ mốc giới số 156/3, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 156/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,461km.

Mốc giới số 156/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°10'19,440" vĩ độ Bắc, 106°00'57,850" kinh độ Đông và có độ cao 6,93m.

Từ mốc giới số 156/4, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 157. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,616km.

Mốc giới số 157 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°09'59,466" vĩ độ Bắc, 106°00'59,743" kinh độ Đông và có độ cao 6,48m.

Từ mốc giới số 157, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 157/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,310km.

Mốc giới số 157/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°09'49,386" vĩ độ Bắc, 106°01'00,474" kinh độ Đông và có độ cao 6,72m.

Từ mốc giới số 157/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 157/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,363km.

Mốc giới số 157/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°09'37,599" vĩ độ Bắc, 106°01'01,333" kinh độ Đông và có độ cao 6,55m.

Từ mốc giới số 157/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 158. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,365km.

Mốc giới số 158 là mốc đơn, loại B, cắm phía Bắc đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°09'25,744" vĩ độ Bắc, 106°01'02,191" kinh độ Đông và có độ cao 6,80m.

Từ mốc giới số 158, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°09'19,724" vĩ độ Bắc, 106°01'03,019" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 158/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,443km.

Mốc giới số 158/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°09'11,611" vĩ độ Bắc, 106°01'05,048" kinh độ Đông và có độ cao 6,36m.

Từ mốc giới số 158/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°09'03,400" vĩ độ Bắc, 106°01'07,007" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 158/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,581km.

Mốc giới số 158/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°08'53,457" vĩ độ Bắc, 106°01'10,304" kinh độ Đông và có độ cao 6,21m.

Từ mốc giới số 158/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°08'44,981" vĩ độ Bắc, 106°01'14,013" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 158/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,634km.

Mốc giới số 158/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°08'35,271" vĩ độ Bắc, 106°01'20,090" kinh độ Đông và có độ cao 6,10m.

Từ mốc giới số 158/3, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°08'28,906" vĩ độ Bắc, 106°01'25,316"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 158/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,518km.

Mốc giới số 158/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°08'22,730" vĩ độ Bắc, 106°01'31,480" kinh độ Đông và có độ cao 6,01m.

Từ mốc giới số 158/4, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°08'18,926" vĩ độ Bắc, 106°01'36,605" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 158/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,377km.

Mốc giới số 158/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°08'15,588" vĩ độ Bắc, 106°01'41,587" kinh độ Đông và có độ cao 6,31m.

Từ mốc giới số 158/5, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°08'12,687" vĩ độ Bắc, 106°01'46,889" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 159. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,384km.

Mốc giới số 159 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°08'09,274" vĩ độ Bắc, 106°01'52,523" kinh độ Đông và có độ cao 5,72m.

Từ mốc giới số 159, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°08'06,344" vĩ độ Bắc, 106°01'58,184" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 159/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,329km.

Mốc giới số 159/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°08'04,529" vĩ độ Bắc, 106°02'02,226" kinh độ Đông và có độ cao 5,91m.

Từ mốc giới số 159/1, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°08'00,940" vĩ độ Bắc, 106°02'09,384" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 159/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,456km.

Mốc giới số 159/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°07'58,221" vĩ độ Bắc, 106°02'15,840" kinh độ Đông và có độ cao 5,79m.

Từ mốc giới số 159/2, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'54,809" vĩ độ Bắc,

106°02'24,480" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 159/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,500km.

Mốc giới số 159/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°07'51,671" vĩ độ Bắc, 106°02'30,915" kinh độ Đông và có độ cao 5,80m.

Từ mốc giới số 159/3, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'48,556" vĩ độ Bắc, 106°02'37,412" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'45,190" vĩ độ Bắc, 106°02'42,385" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 160. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,573km.

Mốc giới số 160 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°07'42,045" vĩ độ Bắc, 106°02'47,033" kinh độ Đông và có độ cao 5,50m.

Từ mốc giới số 160, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'38,156" vĩ độ Bắc, 106°02'51,623" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 160/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,388km.

Mốc giới số 160/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°07'34,637" vĩ độ Bắc, 106°02'57,327" kinh độ Đông và có độ cao 5,80m.

Từ mốc giới số 160/1, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'30,003" vĩ độ Bắc, 106°03'04,741" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 160/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,475km.

Mốc giới số 160/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°07'26,078" vĩ độ Bắc, 106°03'10,351" kinh độ Đông và có độ cao 5,70m.

Từ mốc giới số 160/2, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'21,546" vĩ độ Bắc, 106°03'17,717" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 160/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,514km.

Mốc giới số 160/3 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy cao su, tại điểm có tọa độ địa lý 11°07'16,667" vĩ độ Bắc, 106°03'24,322" kinh độ Đông và có độ cao 5,78m.

Từ mốc giới số 160/3, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'12,199" vĩ độ Bắc, 106°03'30,346"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 160/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,433km.

Mốc giới số 160/4 là mốc phụ đơn, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°07'07,793" vĩ độ Bắc, 106°03'35,401" kinh độ Đông và có độ cao 5,76m.

Từ mốc giới số 160/4, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°07'03,645" vĩ độ Bắc, 106°03'39,879" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,355km.

Mốc giới số 161 là mốc đơn, loại B, cắm trong rẫy, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'59,825" vĩ độ Bắc, 106°03'43,864" kinh độ Đông và có độ cao 5,40m.

Từ mốc giới số 161, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'56,388" vĩ độ Bắc, 106°03'46,792" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,277km.

Mốc giới số 161/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'53,394" vĩ độ Bắc, 106°03'50,234" kinh độ Đông và có độ cao 5,58m.

Từ mốc giới số 161/1, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'49,644" vĩ độ Bắc, 106°03'53,956" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,350km.

Mốc giới số 161/2 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'45,324" vĩ độ Bắc, 106°03'58,383" kinh độ Đông và có độ cao 5,50m.

Từ mốc giới số 161/2, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'42,439" vĩ độ Bắc, 106°04'01,122" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,256km.

Mốc giới số 161/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'39,139" vĩ độ Bắc, 106°04'04,022" kinh độ Đông và có độ cao 5,54m.

Từ mốc giới số 161/3, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'35,992" vĩ độ Bắc, 106°04'06,503"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,257km.

Mốc giới số 161/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'32,719" vĩ độ Bắc, 106°04'09,455" kinh độ Đông và có độ cao 5,32m.

Từ mốc giới số 161/4, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'27,730" vĩ độ Bắc, 106°04'13,147" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,352km.

Mốc giới số 161/5 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'23,406" vĩ độ Bắc, 106°04'16,194" kinh độ Đông và có độ cao 5,33m.

Từ mốc giới số 161/5, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'19,132" vĩ độ Bắc, 106°04'18,203" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,284km.

Mốc giới số 161/6 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'15,106" vĩ độ Bắc, 106°04'20,308" kinh độ Đông và có độ cao 4,67m.

Từ mốc giới số 161/6, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'10,056" vĩ độ Bắc, 106°04'22,166" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/7. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,366km.

Mốc giới số 161/7 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'03,798" vĩ độ Bắc, 106°04'24,108" kinh độ Đông và có độ cao 5,29m.

Từ mốc giới số 161/7, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'00,485" vĩ độ Bắc, 106°04'26,543" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'57,090" vĩ độ Bắc, 106°04'29,451" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 161/8. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,401km.

Mốc giới số 161/8 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'54,003" vĩ độ Bắc, 106°04'32,804" kinh độ Đông và có độ cao 5,23m.

Từ mốc giới số 161/8, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,494" vĩ độ Bắc,

106°04'35,584" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 162. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,186km.

Mốc giới số 162 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'51,821" vĩ độ Bắc, 106°04'38,463" kinh độ Đông và có độ cao 4,85m.

Từ mốc giới số 162, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'51,359" vĩ độ Bắc, 106°04'38,018" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'51,031" vĩ độ Bắc, 106°04'39,585" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'50,700" vĩ độ Bắc, 106°04'39,880" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'50,979" vĩ độ Bắc, 106°04'40,665" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'51,248" vĩ độ Bắc, 106°04'43,310" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'51,839" vĩ độ Bắc, 106°04'44,432" kinh độ Đông và có độ cao 4,69m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,691" vĩ độ Bắc, 106°04'46,042" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,962" vĩ độ Bắc, 106°04'47,847" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,792" vĩ độ Bắc, 106°04'47,973" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,978" vĩ độ Bắc, 106°04'49,033" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'53,740" vĩ độ Bắc, 106°04'50,466" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'54,965" vĩ độ Bắc, 106°04'54,345" kinh độ Đông và có độ cao 4,60m; sau đó chuyển hướng Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'55,591" vĩ độ Bắc, 106°04'54,338" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'56,356" vĩ độ Bắc, 106°04'55,795" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'56,937" vĩ độ Bắc, 106°04'56,145" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'58,221" vĩ độ Bắc, 106°04'58,282" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'59,714" vĩ độ Bắc, 106°05'01,636" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'00,235" vĩ độ Bắc, 106°05'01,769" kinh độ Đông và có độ cao 4,30m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'01,003" vĩ độ Bắc, 106°05'02,933" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường

thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'02,586" vĩ độ Bắc, 106°05'05,389" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'04,118" vĩ độ Bắc, 106°05'10,576" kinh độ Đông và có độ cao 2,93m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 163. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,283km.

Mốc giới số 163 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'05,274" vĩ độ Bắc, 106°05'15,172" kinh độ Đông và có độ cao 3,57m.

Từ mốc giới số 163, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'01,613" vĩ độ Bắc, 106°05'20,048" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 163/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,342km.

Mốc giới số 163/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'58,034" vĩ độ Bắc, 106°05'23,715" kinh độ Đông và có độ cao 5,49m.

Từ mốc giới số 163/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'53,191" vĩ độ Bắc, 106°05'26,816" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 163/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,316km.

Mốc giới số 163/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'49,206" vĩ độ Bắc, 106°05'29,056" kinh độ Đông và có độ cao 4,92m.

Từ mốc giới số 163/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'45,598" vĩ độ Bắc, 106°05'30,846" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 163/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,243km.

Mốc giới số 163/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'42,288" vĩ độ Bắc, 106°05'32,891" kinh độ Đông và có độ cao 5,07m.

Từ mốc giới số 163/3, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'39,790" vĩ độ Bắc, 106°05'34,594" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 163/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,189km.

Mốc giới số 163/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'37,251" vĩ độ Bắc, 106°05'36,465" kinh độ Đông và có độ cao 4,84m.

Từ mốc giới số 163/4, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'33,799" vĩ độ Bắc, 106°05'39,300" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 163/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,309km.

Mốc giới số 163/5 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'29,657" vĩ độ Bắc, 106°05'43,155" kinh độ Đông và có độ cao 4,87m.

Từ mốc giới số 163/5, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'27,552" vĩ độ Bắc, 106°05'45,387" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'24,692" vĩ độ Bắc, 106°05'48,786" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'21,631" vĩ độ Bắc, 106°05'52,501" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 163/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,455km.

Mốc giới số 163/6 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'20,029" vĩ độ Bắc, 106°05'54,547" kinh độ Đông và có độ cao 5,02m.

Từ mốc giới số 163/6, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'15,864" vĩ độ Bắc, 106°05'58,101" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 164. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,301km.

Mốc giới số 164 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'12,215" vĩ độ Bắc, 106°06'00,480" kinh độ Đông và có độ cao 4,89m.

Từ mốc giới số 164, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'07,013" vĩ độ Bắc, 106°06'00,788" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 164/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,267km.

Mốc giới số 164/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'03,538" vĩ độ Bắc, 106°06'00,845" kinh độ Đông và có độ cao 5,58m.

Từ mốc giới số 164/1, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'58,840" vĩ độ Bắc, 106°06'00,090" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 164/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,274km.

Mốc giới số 164/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'54,717" vĩ độ Bắc, 106°05'59,504" kinh độ Đông và có độ cao 5,41m.

Từ mốc giới số 164/2, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'51,825" vĩ độ Bắc, 106°05'58,180" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 164/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,226km.

Mốc giới số 164/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'47,664" vĩ độ Bắc, 106°05'57,767" kinh độ Đông và có độ cao 5,26m.

Từ mốc giới số 164/3, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'43,808" vĩ độ Bắc, 106°05'57,770" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 164/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,214km.

Mốc giới số 164/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'40,813" vĩ độ Bắc, 106°05'58,579" kinh độ Đông và có độ cao 5,45m.

Từ mốc giới số 164/4, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'37,424" vĩ độ Bắc, 106°05'59,120" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'33,610" vĩ độ Bắc, 106°06'00,397" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 165. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,354km.

Mốc giới số 165 là mốc đơn, loại B, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'29,887" vĩ độ Bắc, 106°06'02,089" kinh độ Đông và có độ cao 4,73m.

Từ mốc giới số 165, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'26,809" vĩ độ Bắc, 106°06'03,162" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 165/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,179km.

Mốc giới số 165/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'24,888" vĩ độ Bắc, 106°06'04,878" kinh độ Đông và có độ cao 5,10m.

Từ mốc giới số 165/1, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'22,310" vĩ độ Bắc, 106°06'07,692" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 165/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,190km.

Mốc giới số 165/2 là mốc phụ đơn, cắm phía Tây đường nhựa, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'20,799" vĩ độ Bắc, 106°06'09,591" kinh độ Đông và có độ cao 5,05m.

Từ mốc giới số 165/2, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'19,778" vĩ độ Bắc, 106°06'10,880" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 165/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,134km.

Mốc giới số 165/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'18,376" vĩ độ Bắc, 106°06'13,266" kinh độ Đông và có độ cao 4,91m.

Từ mốc giới số 165/3, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'17,375" vĩ độ Bắc, 106°06'15,790" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 166. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,173km.

Mốc giới số 166 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'17,275" vĩ độ Bắc, 106°06'18,765" kinh độ Đông và có độ cao 5,18m.

Từ mốc giới số 166, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'17,331" vĩ độ Bắc, 106°06'22,879" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 166/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,246km.

Mốc giới số 166/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'18,599" vĩ độ Bắc, 106°06'26,676" kinh độ Đông và có độ cao 4,47m.

Từ mốc giới số 166/1, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'21,451" vĩ độ Bắc, 106°06'31,722" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 166/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,314km.

Mốc giới số 166/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'24,705" vĩ độ Bắc, 106°06'34,857" kinh độ Đông và có độ cao 4,77m.

Từ mốc giới số 166/2, đường biên giới hướng chung Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'28,020" vĩ độ Bắc, 106°06'37,517" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 166/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,328km.

Mốc giới số 166/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'33,576" vĩ độ Bắc, 106°06'40,802" kinh độ Đông và có độ cao 4,69m.

Từ mốc giới số 166/3, đường biên giới hướng chung Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'36,874" vĩ độ Bắc, 106°06'42,688" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'39,885" vĩ độ Bắc, 106°06'44,262" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 166/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,366km.

Mốc giới số 166/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'43,800" vĩ độ Bắc, 106°06'46,973" kinh độ Đông và có độ cao 4,25m.

Từ mốc giới số 166/4, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'46,654" vĩ độ Bắc, 106°06'49,596" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'49,797" vĩ độ Bắc, 106°06'51,619" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 166/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,328km.

Mốc giới số 166/5 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'52,020" vĩ độ Bắc, 106°06'53,820" kinh độ Đông và có độ cao 4,07m.

Từ mốc giới số 166/5, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'54,291" vĩ độ Bắc, 106°06'55,848" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°04'56,798" vĩ độ Bắc, 106°06'58,169" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 167. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,303km.

Mốc giới số 167 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'58,637" vĩ độ Bắc, 106°07'01,091" kinh độ Đông và có độ cao 3,91m.

Từ mốc giới số 167, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'00,759" vĩ độ Bắc, 106°07'04,202" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'02,189" vĩ độ Bắc, 106°07'06,993" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 167/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,291km.

Mốc giới số 167/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'03,701" vĩ độ Bắc, 106°07'09,178" kinh độ Đông và có độ cao 3,82m.

Từ mốc giới số 167/1, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'05,865" vĩ độ Bắc, 106°07'11,318" kinh

độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 167/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,221km.

Mốc giới số 167/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'09,298" vĩ độ Bắc, 106°07'13,689" kinh độ Đông và có độ cao 3,44m.

Từ mốc giới số 167/2, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'13,067" vĩ độ Bắc, 106°07'15,876" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 167/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,287km.

Mốc giới số 167/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'16,932" vĩ độ Bắc, 106°07'19,099" kinh độ Đông và có độ cao 3,56m.

Từ mốc giới số 167/3, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'19,783" vĩ độ Bắc, 106°07'23,113" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 168. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,262km.

Mốc giới số 168 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'21,372" vĩ độ Bắc, 106°07'26,444" kinh độ Đông và có độ cao 3,28m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 168 đến mốc giới số 168/1 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 168/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'27,233" vĩ độ Bắc, 106°07'39,163" kinh độ Đông và có độ cao 3,28m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 168/1 đến mốc giới số 168/2 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 168/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'34,764" vĩ độ Bắc, 106°07'57,709" kinh độ Đông và có độ cao 3,49m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 168/2 đến mốc giới số 169 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 169 là mốc đơn, loại B, cắm phía Tây đường nhựa, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'50,239" vĩ độ Bắc, 106°08'23,099" kinh độ Đông và có độ cao 4,01m.

Từ mốc giới số 169, đường biên giới hướng chung Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'50,931" vĩ độ Bắc, 106°08'23,515"

kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,576" vĩ độ Bắc, 106°08'24,031"kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'53,455" vĩ độ Bắc, 106°08'24,447" kinh độ Đông và có độ cao 3,11m; sau đó chuyển hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,499" vĩ độ Bắc, 106°08'25,908" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'52,061" vĩ độ Bắc, 106°08'26,417" kinh độ Đông và có độ cao 3,41m; sau đó chuyển hướng chung Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'56,634"vĩ độ Bắc, 106°08'32,394" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'56,423" vĩ độ Bắc, 106°08'32,585" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'57,484"vĩ độ Bắc, 106°08'33,769" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°05'59,051" vĩ độ Bắc, 106°08'35,599" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'00,099"vĩ độ Bắc, 106°08'36,960" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'00,174" vĩ độ Bắc, 106°08'37,237" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'00,598"vĩ độ Bắc, 106°08'37,652" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'01,417" vĩ độ Bắc, 106°08'38,098" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'01,871" vĩ độ Bắc, 106°08'38,212" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'02,081" vĩ độ Bắc, 106°08'38,700" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'02,697" vĩ độ Bắc, 106°08'38,633" kinh độ Đông và có độ cao 3,79m; sau đó chuyển hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'02,804" vĩ độ Bắc, 106°08'39,106" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'02,874" vĩ độ Bắc, 106°08'39,803" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'02,991" vĩ độ Bắc, 106°08'39,806" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'03,519" vĩ độ Bắc, 106°08'41,824" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'04,076" vĩ độ Bắc, 106°08'44,521" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'03,964" vĩ độ Bắc, 106°08'44,552" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'04,177" vĩ độ Bắc, 106°08'46,492" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có

tọa độ địa lý 11°06'04,536" vĩ độ Bắc, 106°08'48,137" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'04,740" vĩ độ Bắc, 106°08'48,715" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'04,854" vĩ độ Bắc, 106°08'48,700" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'05,777" vĩ độ Bắc, 106°08'52,276" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'06,165" vĩ độ Bắc, 106°08'54,227" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'06,515" vĩ độ Bắc, 106°08'56,862" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'05,642" vĩ độ Bắc, 106°08'57,019" kinh độ Đông và có độ cao 3,21m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'06,672" vĩ độ Bắc, 106°09'03,193" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'06,777" vĩ độ Bắc, 106°09'03,261" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'07,226" vĩ độ Bắc, 106°09'08,645" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 11°06'07,537" vĩ độ Bắc, 106°09'11,985" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 170. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,844km.

Mốc giới số 170 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°06'07,846" vĩ độ Bắc, 106°09'14,706" kinh độ Đông và có độ cao 2,25m.

Từ mốc giới số 170, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 170/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,626km.

Mốc giới số 170/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'51,399" vĩ độ Bắc, 106°09'26,883" kinh độ Đông và có độ cao 2,85m.

Từ mốc giới số 170/1, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 170/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,632km.

Mốc giới số 170/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'34,799" vĩ độ Bắc, 106°09'39,177" kinh độ Đông và có độ cao 2,78m.

Từ mốc giới số 170/2, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 170/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,416km.

Mốc giới số 170/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, có tọa độ địa lý 11°05'23,879" vĩ độ Bắc, 106°09'47,263" kinh độ Đông và có độ cao 2,77m.

(Xem tiếp Công báo số 153 + 154)